

TRỌNG-PHỤ  
NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU

LỤC - VÂN - TIÊN

CHÚ - GIẢI

TIMSACH.COM.VN

QUỐC - HOA

# LỤC - VÂN - TIÊN

---

## CHƯƠNG MỘT

---

### 1. - Mở đầu

Trước đèn xem truyện Tây-Minh,  
Găm cười hai chữ nhân-tình éo-le !  
Hỡi ai ! Lẳng-lặng mà nghe !  
Giữ răn việc trước, lánh dè thân sau.  
Trai thời trung-hiếu làm đầu,  
Gái thời tiết-hạnh là câu trau mình.

### 2. - Vân-tiên từ biệt thầy học

Có người ở quận Đông-thành,  
Tu nhân tích đức (1) sớm sanh con hiền.  
Đặt tên là Lục-vân-Tiên.  
10— Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.  
Theo thầy nấu sủ xôi kinh (2),  
Tháng ngày bao quản sân Trình (3) lao-đao.

---

1) Tu nhân tích đức : Sửa sang việc nhân-tử, chứa tích việc phúc đức.

2) Nấu sủ xôi kinh : Chuyên cần học tập.

3) Sân Trình : Nơi học đường.

Văn đã khởi phụng dâng dao (1).  
 Võ thêm tam lược lục thao (2) ai bì.  
 Xây nghe mở hội khoa-thì,  
 Văn-Tiên vào tạ tôn-sư xin về :  
 — « Bấy lâu cửa Thánh dựa kê,  
 Đã tươi khi-tượng lại xuê tinh-thần. †  
 Nay đã gặp hội long-vân (3).  
 20. — Ai ai mà chẳng lập thân buổi này ?  
 Chi lăm bản nhận vén mây (4).  
 Danh tôi dặng rạng, tiếng thầy đồn xa !  
 Làm trai trong cõi người ta.  
 Trước lo báo-bồ (5) sau là hiển vang ! »  
 Tôn-sư bàn việc tại nà.  
 — « Gấm trong số hệ khoa tràng (6) còn xa.

1) Câu 13 : Con Phượng-Hoàng chồi dầy, con rồng bay bổng. Ý nói : Văn-chương tài giỏi.

2) Lục thao : Các môn trong binh-pháp Á-Đông.

3) Long-vân : Cơ-hội may-mắn tới như là rồng (long) gặp mây (vân) do câu : « Văn tung long, phong tung hồ ».

4) Vén mây : Dốc lòng bay nhảy, làm mọi việc khó cốt sao cho rạng rỡ danh phận.

5) Báo bồ : Báo ơn cho mẹ, thần học và nàihi thi.

6) Khoa tràng : Trường thi để lựa chọn nhân tài.

Máy trời (1) chẳng dám nói ra ;  
Xui thầy thương đó, xót-xa trong lòng !

Sau dầu tổ nổi đục trong,  
30.— Phải toan một phép đề phòng hộ thân.

Rày con xuống chốn phong-trần ;  
Thầy cho hai đạo phù-thần đem theo.

Chẳng may gặp lúc hiểm nghèo,  
Xuống sông cũng vững, lên đèo cũng an ».

Tôn-su vào chốn hậu đàng ;  
Vân-tiên ngo-ngần lòng càng sinh nghi :

— « Chẳng hay mình mắc việc chi ?  
Tôn-su người dạy khoa kỳ còn xa.

Hay là bối-rối việc nhà,  
40.— Hay là đức bạc, hay là tài sơ (2) ?

Bấy lâu ra sức thi thơ !  
Hội này chẳng gặp, còn chờ hội nao ?

Nên hư chẳng biết làm sao !  
Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho minh.

« Đặng cho tổ nổi sự tình,  
Ngỗ sau ngàn dặm đặng-trình mới an »

---

1) Máy trời : Luật nhất định của trời đã vạch sẵn sẽ theo thời gian lần lượt đến. Máy trời là nghĩa của hai chữ « cơ tạo ».

2) Tài sơ : Tài còn kém.

Tôn-sư ngồi hãy thở-than !  
 Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.  
 Hỏi rằng : — « Vạn lý trường đồ (1),  
 50.— Sao chưa cắt gánh, trở vô chuyện gì ?  
 Hay là con bầy hồ nghi,  
 Thầy bàn một việc khoa-kỳ còn xa ».

Vân-Tiên đặt gối thừa qua :  
 — « Tiểu-sinh chưa hẳn việc nhà đường bao ?  
 Thung huyên (2) tuổi hạc (3) đã cao,  
 Xin thầy bầy tỏ âm hao cho tường ! »

Tôn-sư nghe nói thêm thương,  
 Dắt tay ra chôn tiền đường coi trăng.

Nhân cơ tàng sự (4) dặn rằng :  
 60.— « Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.

Tuy là soi khắp các nơi,  
 Khi mờ, khi tỏ, khi voi, khi đầy.  
 Sau con cũng tỏ lẽ này :

Lựa là trước phải hỏi thầy làm chi ?  
 Số con hai chữ « khoa kỳ »,  
 Khôi-tinh đã rạng, Tử-vi thêm lòa.

1) Vạn lý trường đồ : Đường xa vạn dặm.

2) Thung huyên : Thung chỉ cha ; huyên chỉ mẹ.

3) Tuổi hạc : Hạc là giống chim sống lâu nên dùng tuổi hạc chỉ tuổi thọ.

4) Câu 59 : Công việc bí ẩn của trời đất. Cả câu này ý nói : Dựa vào sự bí ẩn của trời đất mà đoán-dò.

« Hiềm vì ngựa chạy còn xa (1),  
 « Thỏ vừa ló bóng, gà đã gáy tan (2),  
 « Bao giờ cho tới bắc phương ;  
 70 — « Gặp chuột ra đàng (3) con mới nên danh.  
 « Sau, dầu dặng chữ hiền-vinh,  
 « Mấy lời thầy dạy tiền trình chẳng sai.  
 « Trong cơn bĩ cực thái lai (4),  
 « Cứu mình cho vẹn việc ai chớ sờn ! »  
 Vân-Tiên vội-vã tạ ơn :  
 « — Trăm năm xin gắng keo sơn như lời ! »  
 Rã đi vừa rạng chân trời ;  
 Ngủi ngủi ngó lại, nhớ nơi học đường.  
 Tiên rằng : « Thiên các nhất phương (5).  
 80 — « Thầy đeo đoạn thảm, ta vương mối sầu.  
 « Quân bao thân trẻ dãi-dầu ?  
 « Mang đai Tử-Lộ, quây bầu Nhan-Huyền (6)  
 « Bao giờ ngư thủy gặp duyên  
 « Rạng danh con thảo, phi nguyên tôi ngay. »

1) Chỉ năm ngọ.

2) Thỏ : chỉ năm Mão ; Gà : chỉ năm Dậu.

3) Chuột chỉ năm tý.

4) Bĩ cực thái lai : Khở sở lắm tất có sự sung sướng đến.

5) Nhất phương : Mỗi người ở một nơi.

6) Nhan-Huyền : Ông Nhan-Hồi — Vân-Tiên được vì với Tử-Lộ vì chàng hiếu thảo và được vì như Nhan-Hồi vì chàng cũng là người thanh-dạm.

### 3.— Văn-Tiên trừ cướp giúp dân

Kể từ tách dăm đến nay,  
 Mãi-mê tính đã mấy ngày xông sương.  
 Đoái nhìn phong cảnh thêm thương,  
 Bơ-vơ dăm cũ nẻo đường còn xa,  
 Chi bằng vào chốn lân-gia,  
 90 — Trước là tìm bạn, sau là nghỉ chân.  
 Việc chi la khóc vang lừng !  
 Đều đem nhau chạy vào rừng lên non !  
 Tiên rằng : — « Bờ chú công con !  
 « Việc chi nên nổi bon-bon chạy hoài ? »  
 Dân rằng : « Tiều-tử (1) là ai ?  
 « Hay là một lũ Sơn-Đài (2) theo tao ? »  
 Tiên rằng : — « Cơ sự làm sao ?  
 « Hãy dừng gót lại sẽ trao một lời ! »  
 Dân nghe tiếng nói khoan thai ;  
 100 — Kêu nhau dừng lại vài lời phán qua :  
 — « Nhân rày có đảng lâu-la  
 « Tên là Đổ-Dự hiệu là Phong-Lai.  
 « Nhóm nhau ở chốn Sơn-Đài ;  
 « Người đều sợ nó có tài khôn đương,  
 « Bây giờ xuống cướp thôn hương,  
 « Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.

1) Tiều-tử : là cậu bé người trẻ tuổi.

2) Sơn-Đài : Bọn cướp ở núi lấy tên Sơn-Đài.

« Xóm làng chẳng dám nói chi ;  
 « Cảm thương hai gã nữ-nhi mắc nạn.  
 « Con ai vóc ngọc minh vàng ;  
 110 — « Má đào mày liễu dung nhan lạ lùng ?  
 « E khi mắc đảng hành hung !  
 « Uồng trang thực-nữ sánh cùng thất-phu !  
 « Thôi thôi chẳng dám nói lâu,  
 « Chạy đi cho khỏi kéo ầu tới mình ».

Vân-Tiên nổi trận lôi đình,  
 Hỏi thăm : — « Lũ nó còn rình nơi nao ?  
 « Tôi xin ra sức anh-hào  
 « Cứu người cho khỏi lao đao buổi này »,

Dân rằng : — « Lũ nó còn đây,  
 120 — « Qua xem tướng bậu (1) thơ ngây đã đành,  
 « E khi họa hồ bất thành,  
 « Khi không mình lại đem mình vào hang »,

Vân-Tiên ghé lại bên đàng,  
 Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.  
 Kêu rằng : — « Bớ đảng hung-đồ,  
 « Chớ quen làm thói hồ-đồ hại dân »,

Phong-Lai mặt đỏ bừng bừng :  
 — « Chẳng nào lại dám lấy-lùng vào đây ?  
 « Trước gây việc dữ tại đây »,

130 — Truyền quân bốn phía phủ vây bịt-bùng.

---

1) Qua : là tôi hay ta ; Bậu : là mày hay người, dùng gọi người còn trẻ tuổi.



Vân-Tiên tả đực hữu xông (1);  
 Khác nào Triệu-Tử mở vòng Đương-Dương (2).  
 Lâu-la bốn phía vỡ tan,  
 Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay.  
 Phong-Lai chẳng kịp trở tay,  
 Bị Tiên một gậy thác rây mạng vong.

#### 4. ~~V~~ Vân-Tiên và Nguyệt-Nga gặp nhau

Đẹp rồi lũ kiến chòm ong,  
 Hỏi : « — Ai than khóc ở trong xe này ? »  
 Thưa rằng : — « Tôi thiệt người ngay,  
 147. — « Sa cơ nên mới làm tay hung-dồ.  
 « Trong xe chật hẹp, khôn phò ;  
 « Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng ». VN  
 Vân-Tiên nghe nói động lòng,  
 Đáp rằng : — « Tôi đã trừ dòng lâu-la ;  
 « Khoan-khoan ngồi đó, chờ ra,  
 « Nàng là phận gái, ta là phận trai.  
 « Tiểu-thư con cái nhà ai ?  
 « Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ ?  
 « Chẳng hay tên họ là chi ?

---

1) Tả đực hữu xông : Phá thủng vòng vây bên trái lại xông sang bên phải — Tung hoành trong trận.

2) Triệu-tử-Long là viên tướng tài trong thời Tam-Quốc bên Tàu, một thương một ngựa mà phá vòng vây của quân Tào-Tháo ở Đương-Dương.

150.— « Khuê-môn (1) phận gái việc gì tới đây ?

« Trước sau cho rõ sự này :

— « Hai nàng : ai tớ ai thầy nói ra ? »

« Thừa rằng : — « Tôi Kiều Nguyệt-Nga,

« Nay con ti-tát (2) tên là Kim-Liên,

« Quê nhà ở quận Tây-Xuyên,

« Cha làm Tri-Phủ ngồi miền Hà-Khê ;

« Sai quân đem bức thư về,

« Đón tôi qua dò định bề nghi-gia (3).

« Làm con nào dám cãi cha,

160.— « Vì dầu ngàn dặm đường xa cũng đành !

« Chẳng qua là sự bất thành !

« Hay vậy, cũng chẳng <sup>đang</sup> thương - trình làm chi.

« Lâm nguy chẳng được giải nguy,

« Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

« Trước xe quân-tử tạm ngồi,

« Ngó cho tiện-thiếp lạy rồi sẽ thưa.

« Chút tôi liễu yếu đào thơ,

« Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.

« Hà-Khê qua đó cũng gần,

170.— « Xin theo cùng, thiếp đền ơn cho chàng.

« Gặp đây đương lúc giữa đàng ;

« Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không !

1) Khuê-môn : Cửa nhà trong — Nơi người con gái ở.

2) Ti-tát : Đây tớ gái.

3) Nghi-gia : là nên nhà — Nên nhà nên cửa tức là nên vợ nên chồng — Lo liệu gả chồng.

Tương câu báo-đức (1) thù-công (2) ;

« Lấy em cho phối hôn lòng cùng ai ».

« Vân-Tiên nghe nói mỉm cười :

— « Làm ơn há thể trông người trả ơn !

« Nay đã rõ định nguồn cơn !

« Nào ai tính thế so hơn làm gì ?

« Có câu « Kiến-nghĩa bất-vi » (3) ;

180.— « Làm người dường ấy cũng phi anh hùng ».

« Đó đã biết chữ « Thủy-chung » (4) ;

« Lọ là dây phải theo cùng làm chi ? »

Nguyệt-Nga biết ý chẳng đi,

Hỏi qua tên họ một khi cho tường.

Thưa rằng : — « Tiện-thiếp đi đường ;

« Chẳng hay quán-tử quê-hương nơi nào ? ».

Xây nghe lời nói thanh-tao,

Vân-Tiên há nổi lòng nào phối-pha :

— « Đông-thành vốn thiệt quê ta ;

190.— « Họ là Lục-thị, tên là Vân-Tiên ».

Nguyệt-Nga vốn dẫu thuyền-quyên (5),

Tai nghe lời nói, tay liền rút trâm.

Thưa rằng : — « Nay gặp tri âm !

« Xin dâng một vật để cầm làm tin ».

1) Báo-đức : là báo đáp ân đức.

2) Thù-công : là trả cái công khó nhọc.

3) Kiến nghĩa bất vi : Gặp thấy việc phải mà không làm ?

4) Thủy-chung : Trước và sau không thay đổi.

5) Thuyền-quyên : Người con gái đẹp, yếu đuối.

Vân-Tiên ngơ mặt chẳng nhìn ;  
 Nguyệt-Nga liếc thấy, càng thềm nét-na (1).  
 — « Vặt chỉ một chút gọi là !  
 « Thiếp phân chưa dứt, chàng đã làm ngơ !  
 « Cửa này dầu của vặt vợ,  
 200.— « Lòng chê cũng phải, mặt ngơ sao đành ! »  
 Vân-Tiên khó nổi làm thình,  
 Chữ « ân » đã buộc, chữ « tình » xe dây !  
 Than rằng : — « Đó khéo trêu đây,  
 « Ôn kia là mấy ? Cửa này rất sang !  
 « Gặp nhau đang lúc giữa đang,  
 « Một lời cũng nhờ, ngàn vàng khôn phai  
 « Nhớ câu : « Trọng nghĩa khinh tài »,  
 « Nào ai chịu lấy của ai làm gì ? ».  
 Thưa rằng : — « Chút phận nữ-nhi,  
 210— « Vốn chưa biết lẽ, có khi méch lòng !  
 « Ai dè những đấng anh-hùng,  
 « Thấy trâm ! Thôi lại thẹn cùng cây trâm !  
 « Riêng than : Trâm hỡi là trâm !  
 « Vô duyên chi bấy ! Ai cầm mà mơ ?  
 « Đưa trâm chàng đã làm ngơ ;  
 « Thiếp xin đưa một bài thơ tạ-từ ».  
 Vân-Tiên ngó lại rằng : « Ủ,  
 « Làm thơ cho kịp bây chừ chớ lâu ».  
 Nguyệt-Nga ứng tiếng : — « Xin hầu »,

1) Có bản chép : « Nguyệt-Nga khi ấy còn thềm nét-na ».  
 Thềm nét : nghĩa là giữ tình nét tốt.

220— Xuống tay liền tả tám câu năm vắn (1).

Thơ rồi : — « Này thiếp xin dâng,  
« Ngựa trông lượng rộng văn-nhân thế nào ? »

Vân-Tiên xem thấy ngọt-ngào,  
Ai dè sức gái tài cao bực này !

Đã mau mà lại thêm hay,  
Chẳng phen Tạ-Nữ cũng tài Tì-Phi.

Có câu « dữ xuất dữ kỳ (2) »,  
Cho hay tài gái kém gì tài trai.


Như vậy ai lại thua ai ?

230.— Vân-Tiên họa lại một bài trao ra.


Xem thơ biết ý gần xa ;

Mai hòa vận điều, điều hòa vận mai (3)

Có câu « xúc cảnh hưng hoài (4) ».

Đường xa vơi-vợi, dặm dài vơi-vợi. 

Ai ơi cũng ở trong trời,

Gặp nhau, lời đã cạn lời thời thời. 

---

1) Tám câu năm vắn : Bài thơ Đường.

2) Dữ xuất dữ kỳ : Đưa ra cái gì là mới lạ hơn tức là càng nói ra càng hay.

3) Câu này ý nói : Thơ rất hợp ý nhau ví như con chim đậu hót ở cành mai, hay cành mai đón chim đậu.

4) Xúc cảnh hưng hoài : Cảm động trước cảnh mà phát ra những tình tình cảm hứng say sưa.

NN về Hà Khê

### 5. — Kiều-Nguyệt-Nga tương-tư

Ỡ Văn-Tiên từ giả phản hồi,  
 Nguyệt-Nga than thở : « Tinh ôi là tinh !  
 « Nghĩ mình mà ngán cho mình,  
 240. — « Chữ « ân » chưa trả, chữ « tình » lại vương.  
 « Nặng-nề hai chữ « oan ương (1) »  
 « Dây sần ai khéo vắn-vương vào lòng ?  
 « Vái cùng Nguyệt-Lão (2) hỏi ông !  
 « Trăm năm cho vẹn chữ tông (3) mới an.  
 « Hữu tình chi bấy Ngưu-lang.  
 « Tấm lòng Chức-nữ (4) vi chàng mà nghiêng.  
 — « Thôi, thôi ! Em hỏi Kim-Liên,  
 « Đẩy xe cho chị qua miền Hà-Khê »,  
 Trái qua dẫu thỏ đường dê (5).  
 250. — Chim kêu, vượn hú, từ bề nước non.  
 Vái trời cho đặn vuông tròn,  
 Trăm năm cho vẹn lòng son với chàng.

1) Oan ương : Một thứ chim : con đực là oan, con cái là ương ở tiếng cặp không khi nào rời nhau. Ý nói : Tình nghĩa vợ chồng thương yêu nhau.

2) Nguyệt-Lão : là ông già ở dưới trăng trông-nom về việc hôn nhân.

3) Chữ tông : Theo chữ Hán có câu : « Xuất giá tông phu » nghĩa là lấy chồng phải theo chồng.

4) Ngưu-lang tức là chàng Khiên-Ngưu và Chức-Nữ (hay Thiên-tôn-Nữ) là đôi vợ chồng rất triu mến nhau.

5) Dấu thỏ đường dê : Đường đi chật hẹp và gập-ghềnh

Phút đầu đã tới phủ-đàng.  
 Kiều-Công xem thấy lòng càng sinh nghi.  
 Hỏi rằng : — « Nào lũ tùy-nhi (1).  
 « Cớ sao nên nổi con đi một mình. »  
 Nguyệt-Nga thực việc tiền trình (2),  
 Kiều-Công tưởng nổi sự tình chẳng vui,  
 Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi-ngùi.  
 260.— Nghĩ đòi cơn lại sụt-sùi đòi cơn!  
 Lao-đao phận trẻ chi sồn ?  
 Lo sao trả dặng công ơn cho chàng.  
 Kiều-Công nghe nói liền can,  
 Dạy rằng : « Con hãy tạm an mình vàng!  
 « Khi nào cha rảnh việc quan,  
 « Viết thơ qua đó mời chàng sang đây,  
 « Trước sau (3) chẳng kịp thời chầy!  
 « Cha nguyện trả dặng ơn này, thời thôi!  
 « Hậu đường (4) con khá tạm lui ;  
 270.— « Hãy khuấy dạ trẻ cho vui lòng già ! »  
 Tây lâu trống điểm sang ba ;  
 Nguyệt-Nga luống những xót-xa phận mình.  
 Rời chân, ra chốn hoa-đình (5)

---

1) Tùy-nhi : Những người theo hầu.

2) Tiền trình : Việc đi đường.

3) Có bản chép là « sao sao . . . » e không đúng vì « Trước sau , . . » mới đi với « kịp » và « chầy » trong câu.

4) Hậu đường : Nhà trong.

5) Hoa đình : Sân có trồng cây có hoa.

Xem trắng rồi lại tranh tình cố nhân (1)

Than rằng : « Lưu-Thủy Cao-Sơn (2) !

« Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri-âm ?

« Chữ « tình » càng tưởng càng thâm !

« Muốn pha khó nhạt, muốn dầm khôn phai,

« Vui-vui đất rộng trời dài,

280. — « Hỡi ai nỡ để cho ai đeo phiền ? »

Trở vào bèn lấy bút nghiên,

Đặt bàn hương án chúc nguyện thần-linh.

Lâu-lâu một tấm lòng thành,

Vẽ ra một bức tượng hình Văn-Tiên.

Than rằng : « Ngàn dặm sơn-xuyên (3)

Chữ « ân » dễ dạ, chữ « duyên » nhuộm sâu,

## 6. — Văn-Tiên cùng Hán-Minh kết bạn

Truyện nàng sau hãy còn lâu ;

Truyện chàng xin nối từ đầu chép ra :

Văn-Tiên từ cách Nguyệt-Nga,

290. — Giữa đường lại gặp người ra kinh-kỳ (4)

Xa xem mặt mũi đen sì ;

Hình cao vòi-vọi, dị kỳ tướng hung.

1) Cố nhân : là người cũ.

2) Lưu-Thủy Cao-Sơn : Nước chảy núi cao — Tên hai bản đàn.

3) Sơn-xuyên : chỉ về cách trở.

4) Kinh-kỳ : Thủ-Đó của một nước.



Nhớ câu « bình thủy tương phùng » (1)  
 Anh-hùng lại gặp anh-hùng một khi,  
 — « Chẳng hay danh tính là chi,  
 « Một mình mang gói ra đi chuyện gì ? »  
 Đáp rằng : — « Ta cũng xuống thi !  
 « Hán-Minh tính tự (2), Ô-Mi quê nhà ».  
 Văn-Tiên biết lẽ chính, tà,  
 300.— Hề là là dị tướng ắt là tài cao.  
 Nhớ câu « bằng hữu chí giao » (3),  
 Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuấy :  
 — « Nèn rừng há dễ một cây ?  
 « Muốn cho có đó cùng đây luôn vẫn.  
 « Kia nơi vũ-miếu cũng gần,  
 « Đòi ta vào đó nghỉ chân một hồi, »  
 Cùng nhau bày họ tên rồi,  
 Hai chàng từ-tạ, đều lui ra đường.

## 7.— Văn-Tiên về thăm cha mẹ

Hán-Minh đi trước tựu trường.

310.— Văn-Tiên còn hãy hồi hương thăm nhà.  
 Mừng rằng « Nay thấy con ta,  
 « Cha già hăng tướng, mẹ già luống trông.

---

1) Bình thủy tương phùng : Bèo nước gặp nhau. Ý nói : Cuộc gặp gỡ may-mắn vô cùng sau chuỗi ngày bơ vơ.

2) Tính tự : Tên chữ.

3) Bằng hữu chí giao : Bạn-bè giao thiệp cùng nhau.

« Bấy lâu đèn sách ra công,  
 « Con đã nên chữ tang-bồng (1) cùng chẳng? »  
 Vân-Tiên đặt gối thưa rằng :  
 « Chẳng hơn người cõ cũng bằng người kim.  
 « Dám xin phụ mẫu (2) an tâm,  
 « Đặng con trả nợ thanh-khâm (3) cho rồi »,  
 Song thân thấy nói thêm vui.  
 320 — Lại lo non nước xa-xôi nghìn trùng,  
 Cho theo một gã tiểu-dồng,  
 Thư phong một bức dặn cùng Vân-Tiên :  
 « Xưa đã định chữ « lương duyên »  
 « Cùng quan hưu-tri ở miền Hàn-Giang.  
 « Con người là Võ-thê-Loan,  
 « Tuổi vừa hai bảy dung nhan mấn-mà,  
 « Chữ rằng : « Hồ-Việt nhất gia » (4),  
 « Con đi tới đó trao ra thơ này,  
 « May dầu bước đặng thang mây (5)  
 330 — « Dưới chân đã sẵn một dây tơ hồng (6) ».

1) Tang bồng hồ thi » đề chỉ chỉ khí của nam nhi.

2) Phụ là cha ; Mẫu là mẹ.

3) Thanh-khâm : Áo khoác ngoài màu xanh của (người học trò có cái nợ là phải làm nên danh phận).

4) Hồ-Việt nhất gia : Người nước Hồ nước Việt cùng ở chung một nhà. Ý nói : xa lạ mà nên quen thân được.

5) Thang mây : Ý nói : đường công danh.

6) Tơ-hồng : Nghĩa tiếng « hồng li », chỉ nhân duyên

Song thân (1) dạy bảo vừa xong,  
Vân-Tiên cùng gã tiểu-dồng dờn chán.

### 8.— Vân-Tiên thăm nhạc-gia]

Ra đi, tách dăm bãng chùng,  
Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.  
Xa xem dăm liễu đường hòe,  
Tin ong ngơ-ngần, tiếng ve vang-dây!  
Vui xem nước nọ, non này;  
Nước xao sóng dọn, non vầy đá cao.  
Thức trời gấm trải biết bao,  
340 — Trên cảnh chim nói, dưới ao cá cười.  
Nước non ngấm cảnh coi người,  
Cảnh xinh như vẽ, người tươi như đời.  
Hàn-Giang phút đã tới nơi;  
Vân-Tiên ra mắt một hồi trình thư.  
Võ-Công xem bức tám thư,  
Mừng duyên cầm sắt, (2) mối tơ dặng liều!  
Xem qua tướng mạo Vân-Tiên,  
Khá khen họ Lục phúc hiển sinh con.  
Mày tằm, mắt phụng, môi son,  
350 — Mười phần cốt cách vương tròn mười phần.

1) Song thân : Hai cha mẹ.

2) Cầm sắt : Đàn cầm và đàn sắt. Ý nói duyên vợ chồng hòa hợp.

Những e kẻ Tấn, người Tần (1),  
 Nào hay chữ « ngẫu » dặng gần chữ « giai » (2).  
 Xem đà đẹp-dẽ hòa hai,  
 Kia dâu Nam-giản (3) nọ trai Đông-sàng (4).  
 Công rằng : — « Mừng nghĩa-tế (5) sang,  
 « Muốn lo việc nước phải toan việc nhà. »  
 Tiên rằng : « Nhờ lượng nhạc-gia, (6)  
 « Đại-khoa dầu dặng, tiểu - khoa lo gì (7). »  
 Công rằng : « Con dõc xuống thi,  
 360 — « Sao không kết bạn mà đi tựu trường (8).

---

1) Kẻ Tấn người Tần : Nước Tấn, nước Tần ở Trung-quốc xưa ở cách xa nhau. Ý nói : E rằng hai bên ở xa cách nhau.

2) Ngẫu Giai : Ngẫu là đôi lứa. Giai là tốt đẹp.

3) Dâu Nam-giản : chỉ nàng dâu hiền.

4) Đời Tần, họ Tạ sai người sang nhà họ Vương để kén rể cho con gái mình là Tạ-đạo-Uân, các thanh niên họ Vương nhiều người lưỡng-lũ, được tin này, ăn mặc chỉnh tề, làm ra bộ nghiêm trang, duy có Vương-hựu-Quân cứ nằm phưỡn bụng trên giường ở về phía đông (Đông sàng thân phúc) mà ăn bánh, lảng lờ như không rõ có chuyện gì. Người nhà trở về kể với Tạ - Công. Tạ-Công khen rằng : « Thằng ấy là thõng rề tốt lắm » rồi ông gọi gả con gái cho. Từ đó, người ta gọi chàng rề là Đông-sàng.

5) Nghĩa-tế : là con rể.

6) Nhạc-gia : Nhà bố mẹ vợ — Đây chỉ bố vợ.

7) Đại-khoa Tiểu-khoa. Ta thường nói thi đỗ là « Đại đặng-khoa » lấy vợ là « tiểu đặng-khoa ».

LỤC VẠN TIÊN

« Gần đây có một họ Vương,  
« Tên là Tử-Trực, văn chương tốt vời,  
« Cha đã sai trẻ qua mời,  
« Cho con cùng gã thử chơi vài bài.  
« Thấp cao, cao thấp, biết tài,  
« Muốn cho kết bạn trúc-mai (1) mới màu ».  
Phút đầu Tử-Trực tới hầu;  
Võ-công sẵn đặt một bầu rượu ngon,  
Công rằng : « Này bớ hai con,  
370.- « Thơ hay làm đặng, rượu ngon thưởng liền.  
Muốn cho Trực sánh cùng Tiên.  
Lấy câu « binh thủy hữu duyên » (2) làm đề (3).  
Văn phòng tứ bảo (4) sẵn kê.  
Lục, Vương, hai họ đua nghề một khi :  
Cho hay kỳ lại gặp kỳ.  
Bạch-Hàm há dễ kém chi Như-Hành (5).  
Công rằng : « Đơn quế hai nhánh,  
« Bể vàng thẻ bạc đã dành danh nêu.

---

1) Trúc-mai : chỉ tình bằng hữu (bạn bè), tiết-thào của người quân-tử.

2) Binh thủy hữu duyên : Bèo nước có duyên cùng nhau.

3) Làm đề : Đầu bài.

4) Tứ bảo : Bốn thứ quý báu của nhà văn : Giấy, bút, mực, nghiên-mực.

5) Yên-Bạch-Hàm : Một văn nhân đứng đầu trong Tứ Tài-tử. Bình-như-Hành là 1 văn nhân trong Tứ Tài-tử. Hai người đều tài hoa lỗi lạc.

« Chuông vàng chẳng đánh sao kêu,  
 380.— « Ngọn đèn dặng tỏ trước khêu bởi mình,  
 « Thiệt trang lương-dống (1) đã dành,  
 « Khá khen hai họ tài lành hòa hai ».  
 Trục rằng : — « Tiên vốn cao tài,  
 « Dám dàu én, học sánh vai một bầy ?  
 « Tinh cờ mà gặp nhau đây,  
 « Trục này xin nhượng Tiên rày làm anh.  
 « Nay đã kết nghĩa đệ huynh,  
 « Xin về ! Mai sẽ thượng-trình (2) cùng nhau ».  
 Phút xem trăng đã đứng đầu,  
 390.— Vân-Tiên vào chốn thư lâu nghỉ an.  
 Võ-Công trở lại hậu-dàng ;  
 Đêm khuya dạy bảo Thê-Loan mọi lời :  
 — « Ngày mai, vừa rạng chân trời,  
 « Tiểu-nhi trang diễm, ra nơi lê-đình (3).  
 « Gọi là chút nghĩa tổng tình (4),  
 « Phòng sau cho khỏi bất bình cùng nhau ».

### 9.— Võ-thê-Loan tiễn Vân-Tiên

Bóng trăng vừa ló nhành dàu,  
 Vân - Tiên vào tạ, giây lâu xuất hành (5).

1) Lương là cái rường làm nhà, dống là đòn nóc.  
 Người có tài-năng giúp việc cho quốc-gia thường gọi là :  
 lương-dống.

2) Thượng trình : Lên đường.

3) Lê đình : sân lê — Ở đây là sân trồng cây lê ở

4) Tổng tình : Tiễn đưa người tình.

5) Xuất hành : Ra đi.

Ra đi vừa lúc bình-minh

400. -- Thê.Loan đứng trước lê-đình liễm dung (1).

Thưa rằng : « Quân-tử phó công (2),

« Xin thương bồ liễu chữ tông ngày-thơ.

« Tấm lòng thương gió nhớ mưa,

« Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời :

-- « Ngày nay thánh chúa trị đời ;

« Nguyên cho linh-phụng gặp nơi ngô đồng (3).

« Quân bao chút phận má hồng,

« Tháng chờ khôn xiết, ngày trông khó lường.

« Chàng dầu dặng chữ hiền-vang (4),

410. -- « Thiếp xin hai chữ tao-khang (5) cho bằng.

« Xin đừng tham đó, bỏ dặng,

« Chơi lê, quên lựu, chơi trăng, quên đèn (6) ».

Tiên rằng : -- « Như lửa mới nhen,

« Dễ trong một bếp mà chen mấy lò.

---

1) Liễm dung : *Nghiêm chỉnh hình dáng để tỏ lòng kính ái.*

2) Phó công : *Ra nơi công-cộng đông-đảo.*

3) Phụng là con chim phượng. Ý nói : *Nguyên cho chàng như con chim phụng vừa bay tới cây ngô-dồng, nghĩa là đỗ đạt cao.*

4) Hiền vang : *Vinh-hiền vẻ vang.*

5) Sách Hàn có câu : *« Tao-khang chi thê bất khả hạ đường »* nghĩa là : *người vợ lấy lúc hàn-vi chẳng nên đuổi ra khỏi nhà.*

6) 2 câu này nghĩa là : *Xin đừng thay lòng đổi dạ.*

« May duyên rũi nợ (1) dễ phò,  
 « Chớ nghi Ngô-Khởi ! hãy lo Mãi-Thần » (2).

Loan rằng : — « Sử Mã kinh luân,  
 « Có câu chính-tiết, có văn chỉnh-dung (3).

« Trăm năm lòng gắng trịnh trung,  
 420. — « Lánh phòng Trang-Tử, chực phòng  
 Vương-Nghi (4) ».

Thề-Loan vôi-vã ra đi,  
 Văn-Tiên cắt gánh một khi tựa trường. ✕

1) May duyên rũi nợ : May thì là duyên vợ chồng với nhau, mà rũi ra là nợ kiếp trước.

2) Ngô-Khởi là người Trung-Quốc giết vợ để vua tin. Chu-mãi-Thần, người Tây-Hán bên Tàu, nhà nghèo. Vợ chán cảnh bỏ đi lấy chồng. Sau ông đỗ cao được bổ tri-phủ. Người vợ khi cùng dân sửa đường đón quan mới thấy xe ông, cứ chạy theo mãi về phủ đường. Ông sai đồ bát nước đầy xuống đất và bảo thị hốt lên, nếu đầy, ông sẽ cùng thị đoán tỵ. Thị tuyệt-vọng ra về, chồng mới cũng không nhận nữa, thị xấu hổ quá mà chết.

3) Câu này ý nói : Trong sách : Sử mã kinh luân có câu này người người ta phải giữ tâm hồn cho ngay thẳng trong sạch và thân mình cho nghiêm-trang đứng-dấn.

4) Câu này ý nói : Không nên bắt chước thói phụ bạc với chồng như vợ Trang-Tử mà nên noi theo đức tốt của vợ Vương-Nghi.



### 10.— Văn-Tiên và các bạn ở tửu quán

Xa xa, vừa một dặm đường,  
Gặp Vương-tử-Trực, vầy đoàn mà đi.

Trái qua thủy-tú sơn-kỳ (1)  
Phỉ tình cá nhảy, gặp thi rồng bay (2).

Người thanh lại gặp cảnh hay,  
Khác nào tiên-tử chơi rày Bồng-Lai.

Cùng nhau tả chút tình hoài,  
430.— Năm ba chén rượu, một vài câu thơ.

Công danh ai chẳng ước mơ :  
Ba tầng cửa võ (3) một giờ nhảy qua.

Cùng nhau bàn-bạc gần xa :  
— Chữ tài chữ mệnh xưa là ghét nhau.

Trực rằng : « Rồng xuống vực sâu,  
« Mặc dầu dõn sóng, mặc dầu chơi mây ».

Tiên rằng : « Hồng học đều bay,  
« E khi mỗi cánh lạc bầy về sau ».

Mãng còn bàn-bạc cùng nhau,  
440.— Trông chừng kinh-địa (4) đã hầu tới nơi.

Chênh-chênh vừa xế mặt trời ;  
Hai người tìm quán nghỉ-ngơi đợi kỳ.

1) Thủy-tú sơn-kỳ : Những cảnh sông nước núi non tuyệt đẹp lạ mắt.

2) Thỏa cái chí bay nhảy lúc gặp thời.

3) Ba tầng cửa võ là nghĩa câu : « Vũ-môn tam cấp lãng ». « Cá nhảy Vũ-môn » dùng chỉ học trò đi thi.

4) Kinh địa : Đất để đỗ.

Xảy đầu gặp bạn ra thi,  
Đều bày tên họ một khi dặng tường.

Một người ở quận Phan-Dương ;  
Tên Hâm họ Trịnh, tâm thường nghề văn.

Một người ở phủ Dương-Xuân,  
Họ Bùi tên Kiệm, trạc chừng đời mười.

Hai người lại gặp hai người,  
450. — Đều vào một quán vui cười ngả-nghiêng.

Kiệm rằng : — « Nghe tiếng anh Tiên ;  
« Nay đã gặp mặt phi-nguyên ước-ao ».

Hâm rằng : — « Chưa biết thấp cao,  
« Lâm thơ, mới rõ bực nào tài năng ».

Bèn kêu ông quán, dặn rằng :  
— « Khá toan sắm sửa đồ ăn lúc thì ».

Quán rằng : — « Rượu thịt sẵn kê,  
« Nem Lân, chả Phụng bộn-bề thiếu đâu ?

« Kia là thuốc lá ướp ngáu,  
460. — « Trà ve tuyết điểm, rượu bầu cúc hương

« Để khi đãi khách giàu sang,  
« Đãi người văn-vật, đãi trang anh-hùng ».

Bày bàn trà rượu đã xong,  
Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ.

Kiệm, Hâm còn hãy ngân-ngờ,  
Thơ thần, Tiên, Trục một giờ đều xong.

Kiệm, Hâm xem thấy lạ-lùng.

Gấm nghi Tiên, Trục viết từng cổ-thi (1)

Ông quán thấy truyện lạ kỳ,

470. — Vô tay xuống chiếu một khi cười dài,

Tiên rằng : — « Ông quán cười ai ? »

Quán rằng : — « Cười kẻ bắt tài mần thơ,

« Cười người Tôn-Tân hững-hò,

« Trước đã thấy máy, không ngira Bàng-Quyên (2) ».

Trục rằng : — « Lời nói hữu duyên,

« Thế trong kinh sử có truyện cùng chăng ? »

Quán rằng : — « Kinh sử đã từng,

« Coi rồi lại khiến lòng hằng xót-xa.

« Hồi thời ta phải nói ra,

480. — « Vì chưng hay ghét cũng là hay thương ».

Tiên rằng : — « Trong đục chưa tường,

« Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào ? »

Quán rằng : — « Ghét việc tầm-phào (3),

« Ghét cay ghét đắng, ghét vào tới tâm,

« Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,

« Đê dân đến nỗi sa hầm xây hang.

1) Viết từng cổ thi : là viết theo thơ cổ.

2) Bàng-Quyên : Người nước Yên, tôi nước Ngụy : đã cùng Tôn-Tân ăn thề kết làm anh em, nhưng lúc nào cũng mưu hại Tôn-Tân. Sau phải chết đúng như lời thề.

3) Việc tầm-phào : Không đầu vào đầu cả — Việc không có sự thực.

- « Ghét đời U, Lệ đa-đoan, (1)  
 « Khiến dân lương chịu làm than muôn phần.  
 « Ghét đời Ngũ-Bá (2) phân-vân,  
 490. — « Chuộng bề dối trá làm dân nhọc-nhân.  
 « Ghét đời Thúc-Quy phân bàng, (3)  
 « Sớm đầu, tối đánh, lẳng nhằng rối dân.  
 « Thương là thương đức Thánh-nhân (4),  
 « Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông.  
 « Thương thầy Nhan-tử (5) dõ-dương  
 « Ba mươi một tuổi, tách đường công danh.  
 « Thương ông Gia-Cát (6) tài lành,  
 « Gặp kỳ Hán mặt cũng đánh phôi-pha !  
 « Thương thầy Đồng-tử (7) cao xa,  
 500. — « Chí đã có chí, ngồi mà không ngồi ;

1) U, Lệ : U-Vương và Lệ-Vương là hai ông vua Đắc-ngược đời nhà Chu bày ra làm chuyện ràng buộc dân tình.

2) Ngũ-Bá : Năm nước chư hầu đều mạnh trong thời Xuân Thu Chiến-quốc.

3) Thúc-Quy phân bàng : Cuối nhà Đường, nước Tần bị phân chia (phân bàng) vì nằm họ, nên gọi là đời Ngũ-Quy hay Ngũ-Đại : Hậu-Đương, Hậu-Lương, Hậu-Hóa, Hậu-Tấn, Hậu-Chu.

4) Đức thánh-nhân : Đức Khổng-phu-Tử.

5) Nhan-tử : Ông Nhan-Hồi học trò đức Khổng.

6) Gia-Cát : Khổng-Minh thời Tam-quốc, quân sư của Lưu-Bị.

7) Đồng-tử : Đồng-trọng-Thư một bậc đại nho Trung-hoa.

« Thương người Nguyên-Lượng (1) ngùi-ngùi  
 « Lỡ bề giúp nước lại lui về cây !

« Thương ông Hàn-Dũ (2) chẳng may,  
 « Sớm dăng lời biểu, tối đày đi xa.

« Thương thầy Liêm-Lạc (?) đã ra,  
 « Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.

« Xem qua kinh sử mấy lần ;  
 « Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương ».

Trục rằng : — « Chùa rách phật vàng (3),  
 510. « Ai hay trong quán ầu tăng (4) kinh luân (5) ?

« Thương dân sao chẳng xuất thân,  
 « Gặp khi nắng hạ loan phần làm mưa (6) ? »

Quán rằng : — « Nghiêu, Thuấn (7) thừa xưa,  
 « Khó ngăn Sào-Phủ, khôn ngừa Hứa-Do (8).

1) Nguyên-Lượng : Người đời Tần treo ấn từ quan khi nhà Tần mất vì nhà Tống.

2) Hàn-Dũ : Một học giả đời Đường, dăng biểu bái Phật-giáo bị đi đày.

3) Chùa rách phật vàng : nhân tài sinh trưởng vào cảnh nghèo nàn.

4) ầu tăng : là dấu điểm.

5) Kinh luân : Ý nói : Sửa sang sắp đặt việc chính trị.

6) Câu này ý nói : Lúc dân khổ thì ra cứu dân.

7) Nghiêu Thuấn : Vua Nghiêu và vua Thuấn là hai ông vua hiền trong thời Xuân - Thu.

8) Ông Sào-Phủ và ông Hứa-Do là hai nhà ầu-sĩ đời vua Nghiêu.

- « Di-Tê (1) chẳng khứng giúp Châu.  
 « Núi non ăn mất, công hầu lảng tại !  
 « Ông, Y (2), ông Phó (3) ôm tài,  
 « Kẻ cày, người cuốc, doái-hoài chi dân.  
 « Thái-công (4), xưa một cần câu,  
 520.— « Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi,  
 « Nghiêm-Lãng (5) đã mấy đua bơi.  
 « Cây mây, câu nguyệt tả-loi áo cầu (6).  
 « Trần-Đoàn (7) nao có lo âu ?  
 « Gió trắng một túi, công hầu chiêm bao.  
 « Người nay có khác xưa nào ?  
 « Muốn ra, ai cấm, muốn vào, ai ngăn \* ?  
 Hăm rằng : -- « Lã quán nói nhăng.  
 « Dầu cho trải việc, cũng thàng bán cơm »

1) Di-Tê : Hai ông Bà-Ei, Thúc-Tê là bậc liêm khiết  
 bỏ nh: Chu di ăn dật.

2) Ông Y-Đoãn : Một vị khai quốc công thần nhà  
 Thương.

3) Ông Phó-Duyệt : Hiền tướng đời nhà Hạ.

4) Thái-công : Ông Thái-công-Vọng tức Lữ-Vọng lên tể  
 Khương-tử-Nha là vị thành tướng đời nhà Chu. Ông là  
 bậc cao hiền thường ngồi câu bên giòng sông Vị.

5) Nghiêm-Lãng : Là bậc cao hĩn nhà Hán, sống  
 đời ăn dật.

6) Áo cầu : Là áo vá vĩa lại bằng nhiều mảnh da  
 thú vật.

7) Trần-Đoàn : Người đời nhà Tống nước Tàu, ta  
 thành liên gặp thời loạn vào núi Hạ-sơn ngủ luôn 2 năm.

« Gối rơm theo phận gối rơm ;  
**530.**— « Có dâu ở thấp mà chồm lên cao ».  
 Quán rằng : — « Gặp lúc mưa rào,  
 « Éch nằm đáy giếng thấy bao nhiêu trời (1).  
 « Nước trong cá lội thành-thời ;  
 « Xem hai con mắt sáng ngời như châu,  
 « Uồng thay đờn gảy tai trâu (2),  
 « Nước xao dầu vẹt, găm âu nực cười,  
 Tiên rằng : — « Ông quán chớ cười,  
 « Đây là nhờ lại « bảy người trức lăm » (3).  
 « Cùng nhau kết bạn đồng tâm,  
**540.**— « Khi cờ, khi rượu, khi cầm, khi thi,  
 « Công danh phú quý mang chi ?  
 « Sao bằng thông-thả một khi vui lòng !  
 « Rừng kho biển thánh mệnh-mông,  
 « Dễ ai lặn-lội chỗ cùng vạy vạy ? »  
 « Quán rằng : — « Đó biết ý đây,  
 « Lời kia đã cạn ! Rượu này thưởng cho ».  
 Kiệm, Hâm là dứa so-đo,  
 Thấy Tiên dường ấy thêm lo trong lòng.

1) Câu này ý nói : Người ta ở xó một nơi (tức là ngư sĩ) thì còn biết gì mọi việc trong thiên hạ.

2) Đờn gảy tai trâu : Tức là nói chuyện với hạng ngu dốt...

3) Bảy người trức lăm : Bảy bậc hiền đến chơi riêng trức là Kê-khang, Nguyễn-Tịch, Sơn-Đạo, Hương-Tử, Lưu-Linh, Nguyễn-Hân, Vương-Nhung.

Khoa này Tiên ắt đầu công ;  
**530.** -- Hâm dầu có đậu cũng không ra gi.  
 Mảng còn bàn-bạc thị-phi,  
 Kây nghe trống diêm một khi nhập trường.  
 - Kể thùng, người tráp, chắt đường ;  
 Lao-xao lũ bầy, chàng-ràng đoàn ba.

## CHƯƠNG II

### Vân-Tiên được tin mẹ chết bỏ thi trở về cư tang

*e* Vân-Tiên vừa bước chân ra,  
 Bỗng đau xây gặp tin nhà gởi thơ.  
 Khai phong xem hãn sự cơ (1),  
 Miah gieo xuống đất, vật-vờ hồn hoa,  
 Hai hàng nước mắt nhỏ sa :  
**560.** -- Trời Nam đất Bắc xót-xa đoạn trường (2).  
 Anh em ai nấy đều thương,  
 Trời ôi ! sao nỡ lập đường công danh !  
 Những lăm công toại danh thành.  
 Nào hay từ-mẫu u-minh (3) sớm đời.

1) Câu này : Mở phong thư ra xem có chuyện gì xảy ra.

2) Đoạn-trường : Là đất ruột — buồn-thảm lắm.

3) Nơi âm-phủ (u-minh là nơi tối tăm).



Gắng vào trong quán an nơi,  
 Tờ thầy than thở, liệu bài qui lai (1)  
 Tiểu-dồng thở ngắn than dài :  
 — « Trời sao trời nữ phụ tài người ngay ».

Trục rằng : — « Đã đến nỗi này,  
 570. « Tiểu-dồng, bậu (2) hãy làm khuấy chớ phiền.

« Sớm hôm thang thuốc giữ-giữ !  
 « Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay.  
 « Bây giờ kịp rước thư may,  
 « Sắm đồ tang phục (3) nời ngày cho xong.  
 « Giày rơm, mũ bạc, áo thùng,  
 « Cứ theo trong lễ Văn-công (4) mà làm ».

Tiên rằng : — « mẹ Bắc, con Nam !  
 « Nước non vôi-vôi ! Đã cam lỗi nghi.  
 « Trong mình không cánh không vi (5)  
 « 580. — « Lấy chi lướt dậm, lấy chi tắt đàng? »

Nhập trường phút lại gặp tang,  
 Ngần - ngơ kẻ ở, lờ - lảng người đi.  
 Việc trong trời đất biết chi ?  
 Sao đời, vật đời, còn gì mà trông ?

1) Qui lai : Lại trở về.

2) Bậu : Là mày — Tiếng gọi người còn trẻ tuổi.

3) Tang phục : Đồ dùng vào việc dề tang.

4) Văn công : Người đời nhà Chu, con Văn Vương, tên Đản, định ra chế-độ lễ nhạc, đặt ra nghi-thức quan, hôn, tang, lễ.

5) Vi : Cái vây (vây cá).

Hai hàng nước mắt rờn-rờn,  
 Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiên.  
 Cánh buồm bao quản gió xiêu,  
 Ngàn trùng non nước, chín chiều ruột đau.  
 Thương thay chín chữ cù lao (1) ✕  
 590.— Ba năm nhũ bộ (2) biết bao nhiêu tình ! ✓  
 Quán rằng : « Trời đất thịnh-linh,  
 « Gió mưa đến phút gãy ngành thiên hương (3) ».  
 Ai ai xem thấy cũng thương :  
 Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân.  
 Dầu cho chước quỷ mưu thần,  
 Phong-trần ai cũng phong-trần như ai.  
 Éo-le xưa khéo đặt bày,  
 Chữ tai liền với chữ tai một vần.  
 Đường đi một tháng chẳng gần,  
 600.— Dậm lau bờ liễu mấy lần xông pha !  
 Trường-dinh (4) bạn cũng vừa ra ;  
 Trục cùng Hàm Kiệm xúm mà đưa Tiên.  
 Hàm rằng : — « Anh chờ ưu phiền,  
 « Khoa này chẳng gặp ta nguyên khoa sau. »  
 Thấy nhau khó nỡ giúp nhau,

1) Công ân cha mẹ đối với con khó nhọc.

2) Ba năm, nhũ bộ : Cho bú mớm ba năm.

3) Thiên-hương : là cái cảnh thơm của trời. Ý nói  
 thân mẫu Văn-Tiên lánh cõi trần.

4) Trường-dinh : Nơi tiễn chân một người ra đi.

Một vừng mây bạc (1) dàu-dàu khá thương.  
 Vân-Tiên cất gánh lên đường,  
 Trịnh - Hàm ngó lại, dõi hàng lụy sa.  
 Đi vừa một dặm xa-xa,  
**610.**— Bỗng dàu ông Quán bôn-ba theo cùng.  
 Quán rằng : « Thương đừng anh-hùng,  
 « Đưa ba hoàn thuốc để phòng hộ thân.  
 « Chẳng may gặp bước gian-chuân,  
 « Đương khi quá đói thuốc thần cũng no ! »  
 Tiên rằng : — « Cúi đội ơn cho,  
 « Trong lòng ngai-ngại hãy lo xa gần ! »  
 Quán rằng : — « Ta cũng báng khuáng,  
 « Thấy vậy, nên mới ty trần (2) đến đây.  
 « Non xanh, nước biếc vui-vầy ;  
**620.**— Một bầu bạch cúc, một bài kim đan,  
 « Dẫn thân vào chốn an nhàn,  
 « Thoát vòng danh lợi, lánh đàn thị-phi ».  
 Nói rồi quây-quả ra đi,  
 Vân-Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.  
 Trông chừng dặm cũ, thẳng xông ;  
 Nghĩ đời con lại nào lòng đời con :  
 — « Nên hư chút phận chi sồn ?  
 « Lo công dưỡng-dục, đền ơn sinh thành (3).

1) Cả câu này ý nói : Ngủ lời quê nơi cha mẹ ở mà lòng chan chứa buồn thương.

2) Ty-trần : Trốn nơi trần tục lánh xa việc đời.

3) Sinh thành : là sinh ra và gây dựng nên người.

- « Mang câu bất hiếu đã đành,  
 630.— « Nghĩ mình mà thẹn cho mình làm con.  
 « Những là một tấm lòng son (1).  
 « Chí lắm trả nợ nước - non cho rồi,  
 « Nào hay nước chảy hoa trôi !  
 « Nào hay phận bạc như vôi thế này !  
 « Một mình ngo-ngần đường mây (2) !  
 « Khác nào chiếc nhận lạc bầy kêu sương !  
 « Đến nay làm sự mới lường,  
 « Hèn chi thầy dạy khoa-trường còn xa ! »  
 Tiều-dông thấy vậy thừa qua :  
 640.— « Gẫm dầy cho tới quê nhà còn lâu.  
 « Thầy sao chẳng ngọt con sâu ?  
 « Minh đi đã mệt, dòng châu chẳng ngừng,  
 « E khi mang bệnh nửa chừng,  
 « Trong non khó liệu, giữa rừng khôn toan. »  
 Tiều-răng : « Khó héo lá gan,  
 « Ôi thôi ! Con mắt đã mang lấy sâu.  
 « Mịt-mù còn thấy chi đâu ?  
 « Chân đi đã mỏi, mình đau như dẫu.  
 « Có thân phải khổ với thân ;  
 650.— « Thân ôi ! Thân biết mấy lần chẳng may ? »  
 Đồng-răng : — « Trời đất có hay,  
 « Ra đi chưaặng mấy ngày lại đau.

1) Lòng son : chỉ lòng trung-chính, chân-thành.

2) Câu này ý nói : Riêng mình bị lỡ-làng trên con đường xây lập công danh.

« Một mình ngắm trước, xem sau,  
 « Xanh xanh bờ cõi, dầu dầu cỏ cây,  
 « Vốn không hàng xóm chi đây,  
 « Xin lần tới trước tìm thầy thuốc-thang. »

## 2.— Thày thuốc, thày bói, thày cúng lần lượt chữa bệnh và xoay tiền thầy trò Lục-Vân-Tiên.

Vừa may gặp khách qua đàng,  
 Người thương, chỉ báo vào làng Đồng-văn.  
 Dắt nhau khi ấy hỏi thăm,

660.— Gặp thầy thuốc đỡ, tên rằng Triệu-Ngang.

Ngang rằng : — « Hãy tạm nghỉ an,  
 « Rạng ngày coi mạch, dầu thang mới rành.

« Gặp ta bệnh ấy ắt lành,

« Bạc tiền trong gói sẵn dành bao nhiêu? »

Đồng rằng : — « Tiền bạc chẳng nhiều,

« Xin thầy làm phúc liệu chiều thuốc thang,

« May mà bệnh ấy dặng an ;

« Bạc còn hai lượng trao sang cho thấy. »

Ngang rằng : — « Ta ở chốn này,

670.— « Ba đời nối nghiệp làm thầy vừa ba.

« Sách chi cũng đủ trong nhà,

« Nội-khoa (1) đã sẵn ; ngoại-khoa (2) thêm mầu.

1) Nội-khoa : Khoa thuốc trị về chứng bệnh trong người

2) Ngoại-khoa : Khoa thuốc trị về chứng bệnh bên ngoài.

- « Trước xem Y-học (1) làm đầu ;  
 « Sau coi Thọ-thế (2), thứ cầu Đông-y (3).  
 « Gẫm trong Ngân-hải, Tinh-vi (4),  
 « Cùng là Cang-Mục (5), kém gì Thanh - nang ? (6)  
 « Gẫm trong Tập-nghiệm lương phương (7).  
 « Cùng là Ngự-toản (8) trái đường Hồi-Xuân (9).  
 « Vị chi sắp đặt quân thần (10).  
 680. — « Thuốc thời bào-chế mười phần nỏ-nang.  
 « Mạch, thời đọc Phú-Lư-Sơn (11).  
 « Đặt tay vào bệnh biết dương tử sinh.  
 « Lục-quân Tử-vật (12) thang danh.  
 « Thập-toản, Bát-vị (13) sẵn dành nội thương.  
 « Lại thông Bát-trận tân-phương (14) ;  
 « Làm nhằm ngoại cảm đầu thang Ngũ-sai (15) ».  
 Đồng rằng : — « Thấy thiệt có tài,  
 « Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi ? »

---

1-2-3-4) Tên các pho sách thuốc Á-Đông.

5) Cang-mục : Bài bàn luận về y-học Á-Đông.

6-7-8-9) : Tên các pho sách thuốc Á-Đông.

10) Quân thần : Vua tôi. Trong y khoa tức là cách kê đơn thuốc vị nhiều, vị ít.

11) Phú-Lư-Sơn : Tên sách dạy cách xem mạch.

12-13) Thập-toản, Bát-vị : Tên hai bài thuốc Đông-y.

14) Bát-trận-tân phương : Sách nói về phương - pháp dùng thuốc trị bệnh cũng như cách điều binh khiển tướng.

15) Ngũ-sai : Thang thuốc

Ngang rằng: — « Lục-bộ (1) đều suy,  
 690. — « Bộ quan (2) bèn tả mạch di phù hồng (3).  
 « Cừ trong kinh lạc mà thông:  
 « Mạnh-môn-tướng-hỏa (4) đã xông lên đầu.  
 « Tam-tiên tích-nhiệt (5) đã lâu,  
 « Muốn cho giáng hỏa (6), phải dầu Tư-âm (7).  
 « Hoàng-liên, hoàng-bá, hoàng-cầm (8),  
 « Gia vào cho bội, nhiệt tâm mới bình (9).  
 « Ngoài thời cho điễm vạn-linh.  
 « Trong thời cho uống hoàng-tinh mới xong.  
 « Khả trao hai lạng bạc ròng,  
 700. — « Bồi thêm vị thuốc, đề phòng dầu thang.  
 « Chẳng qua làm phúc cho chàng;  
 « Nào ai đòi cuộc đòi bàn chi ai? »

TIMSACH.COM.VN

- 1) Lục bộ : Sáu bộ về cách xem mạch.
- 2) Bộ quan : Tên một bộ trong mạch.
- 3) Phù hồng : Nội to lên, triệu chứng bệnh nặng.
- 4) Mạnh môn-tướng-hỏa : Bộ phận chính về chân hỏa trong người.
- 5) Tam-tiên-tích-nhiệt : nóng chứa tích ở tam-tiên, chỗ ngực, bụng và bụng dưới.
- 6) Giáng hỏa : hạ nóng.
- 7) Tư-âm : là danh-từ về y-học Á-đông nói về sự bồi lại chân âm trong người.
- 8) Hoàng-liên, hoàng-bá, hoàng-cầm : Tên ba vị thuốc.
- 9) Câu này ý nói : thêm gấp mấy lần những vị thuốc trên vào thì sức nóng mới bình thường được.

Tiền-dồng những ngõ thiết tài,  
Vội-vàng mở gói chẳng nài, liền trao.

Mười ngày chẳng bớt chút nào,  
Thêm đau trong dạ như bào như sùi.

Đồng rằng : — « Vào đó thầy coi,  
« Bệnh thời không giảm, mà đòi bạc thêm ».

Ngang rằng : — « Nằm thấy khi đêm,  
710. — « Tiên-sư mách bảo một diêm chiêm-bao ».

« Qui-thần người ở trên cao,  
« E khi đường sá, lẽ nào . . . biết đâu !

« Tiền-dồng người khá qua cầu,  
« Cùng ông thầy bói ở đầu Tây-viên ».

Tiền-dồng nghe nói đi liền,  
Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi.

Bói rằng : — « Ta bói hẩn-hoi,  
« Bói hay đã đây, người coi đã đây.

« Ta đây nào phải các thầy,  
720. — « Bói vợ bói vắn nói nháy không nhầm.

« Ôn nhuần (1) kinh-dịch (2) mấy năm ?  
« Sáu-mươi-bốn quẻ, bao trăm dư hào.

« Huỳnh-kim, Dã-hạc (3) sách cao,  
« Lục-nhâm, Lục-giáp (4) chỗ nào chẳng hay.

1) Ôn nhuần : nghiên-cứu kỹ-càng.

2) Kinh dịch : Cuốn sách bói trừ danh của Á-dông.

3) Huỳnh-kim, Dã-hạc : Tên hai cuốn sách bói.

4) Lục-nhâm, Lục-giáp : một phương-pháp đo để đoán  
quẻ.



« Can, Chi (1) đều ở tron gtay ;  
 « Dã thông trời đất, lại hay việc người.  
 « Đặt tiền quan-một bốn-mươi,  
 « Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành,  
 « Đặt lên khăn-khừa thần linh,  
 730.— « Xin tên tuổi ấy, lô-trình mắc chi ?  
 « Nơi mình, danh tính là chi ?  
 « Đàng thầy gieo quẻ một khi mới tường. »  
 Đồng rằng : — « Người ở đông phương,  
 « Nhân đi buôn bán giữa đường chẳng an.  
 « Con nhà họ Lục là chàng ;  
 « Tuổi vừa hai tám, còn đang thơ-ngày. »  
 Bói rằng : — « Đinh-mão năm nay,  
 « Hèn chi giáp-tý ngày rày chẳng an ?  
 « Mệnh Kim lại ở cung Càn (2).  
 740.— « Tuổi này là tuổi giàu sang trong đời.  
 « Cầu tài quẻ ấy xa vời,  
 « Khen người khéo nói những lời phỉnh ta. »  
 Cầm tiền, gieo xuống, xem qua :  
 « Một Giao, hai Sách, lại ba Hào Trùng (3),  
 « Trang thành là quẻ Lục-xung,  
 « Thấy hóa phụ-mẫu khắc cùng tử-tôn.

---

1) Can, Chi : Có 10 can là : giáp, ất bình, đinh,... và 12 chi là : tý, Sửu, dần, mão,... dùng trong phương-pháp bói và tính số.

2) Càn : là một cung trong bát-quái của khoa tướng số

3) Hào Trùng : Phương-pháp tính theo bói dịch.

« Hòa ra làm quẻ du-hồn,  
 « Làm thêm thể động khắc đôn hào-quang.  
 « Cừ trong quẻ ấy mà bản :  
 750.— « Tuổi này mới chịu mẫu tang (1) trong mình.  
 « Xui nên phát bệnh thịnh-linh,  
 « Vi chưng ma quỷ lộ trình (2) rất thiêng,  
 « Muốn cho bệnh ấy dặng thuyên,  
 « Phải tìm thầy pháp chữa chuyên ít ngày. »  
 Đồng rằng : « Pháp ở đâu đây ? »  
 Bối rằng : « Cũng ở chốn này bước ra.  
 « Pháp hay, tiếng dậy đồn xa,  
 « Tên là Đạo-sĩ, ở Trà-hương thôn. »  
 Tiêu-dồng mới chạy bon-bon,  
 760.— Hỏi thăm Đạo-sĩ, hương - thôn chốn nào ?  
 Chợ đông buôn bán lao-xao,  
 Người ta liền chỉ đường vào chảng xa.  
 Đồng đi một buổi lời nhà,  
 Pháp-sư xem thấy, lòng đã mừng thay.  
 Đồng rằng : — « Nghe tiếng thầy dậy,  
 « Trừ ma, yểm quỷ phép thầy rất hay ».  
 Pháp rằng : — « Ấn (3) đã cao tay,  
 « Lại thêm phù chú xưa nay ai bì ?  
 « Qua sông cá thấy xếp vi (4),

1) Mẫu tang : Tang mẹ.

2) Lộ trình : Đi đường.

3) Ấn : (ấn quyết) thuật phép của thầy phù thủy.

4) Xếp vi : Cá xếp vây lại không dám bơi nữa.

770. — « Vào rừng cọp thấy phải quý lạy đấng!

« Pháp hay hú gió kêu mưa,

« Sai chim, khiến vượn, đuổi lừa, vật trâu,

« Pháp hay miệng niệm một câu,

« Tóm thâu muôn vật vào bầu hồ - linh.

« Pháp hay rắc đậu thành binh.

« Bện hình làm tướng phá thành Diêm-vương.

« Pháp hay đạo hỏa (1) phó thang (2),

« Ngồi gươm đứng giáo, khai đường thiên hoang (3)

« Khá trao ba lạng bạc sang,

780. — « Đấng thầy sấm-sửa lập đàn chữa cho »

Đồng rằng : — « Tôi chẳng so-đo, (4)

« Xin thầy ra sức, chớ lo khó giàu,

« Bấy lâu thầy tớ theo nhau,

« Bạc dành hai lạng phòng sau đi đàng.

« Chữa-chuyên bệnh ấy đặng an,

« Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy ».

Pháp rằng : — « Về lấy sang đây,

« Cho thầy toan liệu lập bày đàn ra ».

Đồng rằng : « Tôi đã lo xa,

790. — « Cực vì người bệnh ở nhà chẳng yên.

« Xin thầy gắng sức chịu phiền,

« Ra công bùa chú chữa-chuyên cách nào ».

1) Đạo hỏa : đi trên lửa.

2) Phó thang : đi trên nước sôi.

3) Thiên hoang : Cõi trời hoang-mang mờ-mịt.

4) So-đo : Cò-kè đo dự giá liền.

Pháp rằng : — « Có khó chi sao ?

« Người nằm, ta chữa, rồi trao phù về ».

Đồng rằng : « Tôi vốn thẳng hễ, (1)

« Bệnh chi mà khiến chịu bề chữa chuyên ».

Pháp rằng : « Ta biết kinh quyền ; (2)

« Đau nam, chữa bắc mà thuyên (3) mới tài.

Tiểu-dồng nghe lọt vào tai ;

800. — Lòng mừng vội-vã nằm dài chữa-chuyên.

Thầy liền cất tiếng hét lên :

« Mời ông Bàn-Cổ (4) lạy liền chứng miệng (minh).

« thỉnh ông Đại-thánh Tề-thiên (5),

« Cùng bà Võ-Hậu (6) đều liền tới đây.

« thỉnh ông Nguyên-Soái chinh Tây (7)

« Cùng bà Phiếu-mẫu (8) xum vầy một khi.

1) Thẳng hễ : Người đây từ trẻ tuổi (hễ đồng).

2) Kinh : là đạo dùng khi thường. Quyền : là đạo dùng khi biến.

3) Thuyên : giảm bớt.

4) Bàn-Cổ : Theo cổ truyền của Trung-Hoa thì Bàn-Cổ là thủy tổ loài người cũng như A-Đam trong thần-thoại giáo cơ-đốc.

5) Tề-thiên đại-thánh : Là một nhân vật tài giỏi nhất trong truyện Tây-Du đánh phá cả trời.

6) Võ-Hậu : Võ-lắc-Thiên rất ác và dâm dục, vợ một vị vua cuối nhà Đường.

7) Nguyên-Soái chinh-Tây là Tiết-nhân-Quý.

8) Phiếu-mẫu : bà cụ có từ-lâm cho Hàn-Tin ăn cơm thừa ông còn hàn-vi. Sau Hàn-Tin làm nên trả ơn rất hậu.

- « Thỉnh ông Phật-tổ A-Di,  
 « Thập-phương chư Phật phù-trì giúp công ;  
 « Lại mời công-chúa Ngũ-Long,  
 810.— « Binh-nam Ngũ-Hồ (1) hội-đồng an diã,  
 « Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,  
 » Cùng là tam-phủ Động-Đình, Xích-Lân.  
 « Thỉnh trong khắp hết quỷ-thần,  
 « Cũng đều xuống chốn phàm-trần vui chơi,  
 « Cho người ba đạo phù trời.  
 « Uống vào khỏe mạnh như lời chảng sai ».  
 Tiều-dồng luôn những theo lời.  
 Lãnh phù trở lại toan bài thuốc thang.  
 Vào nhà thưa với thầy Ngang :  
 820.— « Pháp phù đã đủ, thầy toan phương nào?  
 Ngang rằng : « Còn bạc trong bao,  
 « Thời người kịp lấy mà trao cho thầy ».  
 Đồng rằng : — « Tôi hãy ở đây,  
 Bệnh kia dầu khá mình này bán đi ».  
 Triệu-Ngang biết chảng còn chi.  
 Kiểm lời thoái thoác đuổi đi khỏi vòng :  
 — « Ở đây làng xóm khó lòng,  
 « E khi mưa nắng ai phòng đỡ che ».  
 Đồng rằng : — « Trong gói vắng hoe :  
 830.— « Bối tin nên mắc, bối nghe nên lằm,  
 « Bạc tiền tổn đã hơn trăm !

---

1) Ngũ hồ : Năm tướng tài giỏi trong thời nhà Tống ở Trung-quốc.

« Minh ve khô xép, ruột tằm héo-hon.

« Thương thay tiền mất tật còn,

« Bơ-vơ đất khách chon-von thế này.

« Thôi thôi găng-gượng khỏi đây,

« Đặng tôi quỳn-giáo nuôi thầy qua đau »,

Vân-Tiên chi xiết nỗi sầu,

Tiền-dồng diu dặt nay cầu mai sông.

Đường đi mưa gió lạnh-lùng,

840.—Người buồn gặp cảnh buồn đông khôn lường,

Xiết bao ăn tuyết năm sương,

Màn trời, chiếu đất, dậm trường lao-đao !

Dầu cho tài-trí bực nào,

Gặp cơn nguy biến, biết sao cho tường,

Bơ-vơ lạ cảnh tha hương,

Nhân tình nào biết ai thương mà nhờ.

Tiền rằng : — « Ruột rối vò tơ,

« Hãy tìm cây-cối bụi bờ nghỉ chân ».

Đồng rằng : — « Chút nữa khỏi rừng.

850.— « Tìm nơi quán-sá, sẽ dừng nghỉ-ngơi ».

Non tây vừa khuất mặt trời,

Tơ thầy diu-dặt tới nơi Đại-Đề (1).

---

1) Đại-Đề : Tên đất Đại-đề.

### 3.— Trịnh-Hâm trói tiểu-đồng trng rừng

Đồ thi (1) một lũ vừa về,  
 Trịnh-Hâm xem thấy, lại kể hỏi thăm :  
 — « Anh về nay đã hai rằm (2),  
 « Cớ sao mang bệnh còn nằm nơi đây ? »  
 Tiên rằng : — « Tôi vốn chẳng may,  
 « Chẳng hay chur hữu (3) khoa này thế nao ? »  
 Hâm rằng : — « Tử-Trực đậu cao ;  
 860.— « Tôi cùng Bùi-Kiểm đều vào cử-nhân.  
 « Một tôi về trước viếng thân ;  
 « Hai người đỡ việc còn lầu đi sau.  
 « Đương khi hoạn-nạn gặp nhau,  
 « Người lành nỡ bỏ người đau sao đành !  
 « Từ đây cho tới Đông-Thành,  
 « Trong mình có bệnh bộ-hành sao xong.  
 « Lăn hồi đến chốn Giang-trung ;  
 « Tim thuyền ta sẽ tháp-tùng (4) với nhau.  
 « Tiên rằng : — « Tình trước nghĩa sau,  
 870.— « Có thương xin khá giúp nhau phen này ».  
 Hâm rằng : — « Anh tạm ngồi đây,

1) Đồ thi : Các nhà nho đi thi — Nhà nho xưa thường được gọi là đồ nho khi chưa đỗ đạt gì.

2) Hai rằm : Hai lần rằm tức là hai tháng.

3) Chur hữu : Chur bạn.

4) Tháp-tùng : đi cùng, đi theo.

«Tiêu-đồng! người tới trước này cùng ta  
 « Vào rừng kiếm thuốc ngoại-khoa (1),  
 « Phòng khi sóng biển, phong ba bất kỳ ».  
 Tiêu-đồng vội-vã ra đi,  
 Muốn cho dặng việc quản gì lao-đao.  
 Trịnh-Hàm trong dạ gươm dao,  
 Bật ngay đồng-tử (2) trói vào gốc cây:  
 « Trước cho hùm cọp ăn mầy,  
 880. « Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong ».

\*  
 \*\*

Vân-Tiên ngồi những đợi trông,  
 Trịnh-Hàm về nói : Tiêu-đồng cọp ăn.  
 Vân-Tiên than khóc năm lần,  
 Có đầu địa hãm thiên băng (3) thỉnh-linh,  
 « Bấy lâu dặt khách lênh-đênh,  
 « Một thầy một tớ lộ-trình nuôi nhau,  
 « Nay đã hai ngã phân nhau,  
 « Còn ai nâng trước đỡ sau cho mình. »  
 Hàm rằng : — « Anh chớ ngại tình,  
 890. — « Tôi xin đưa tới Đông-thành thời thôi ».  
 Vân-Tiên chỉ xiết lụy rơi,  
 Buồm đã theo gió thẳng xuôi một bề.

---

1) Ngoại khoa : Môn thuốc chữa căn-cứ vào kinh-nghiệm.

2) Đồng-tử : Đây tớ trai nhỏ tuổi.

3) Địa hãm thiên băng : Đất sụp trời long. Ý nói : Tai biến.



Tiểu-dồng bị trời khôn về,  
 Kêu la chẳng thấu, từ bề rừng hoang :  
 — « Phận mình còn mất chi màng ?  
 « Cảm thương họ Lục suối vàng (1) bơ-vơ.  
 « Xiết bao những nỗi vật-vờ ?  
 « Đò giang nào biết ? Bụi bờ nào hay ?  
 « Văn-Tiên hồn có linh rày,  
 900. — « Đem tôi theo với đỡ tay chân cùng. »  
 Vái rồi lụy nhỏ rờng rờng,  
 Đêm khuya ngồi dựa cột tưng ngủ quên.  
 Sơn-quân (2) ghé lại một bên ;  
 Cắn dây, mở trói, công lên ra đàng.  
 Tiểu-dồng thức dậy mơ-màng,  
 Xem qua dấu đất rõ-ràng mới hay.  
 Nửa mừng, nửa lại sợ thay,  
 Chạy ra chốn cũ tìm thầy Văn-Tiên.  
 Mặt trời vừa khỏi mái hiên,  
 910. — Kể buồn người bán chợ phiên nhộn-nhàng.  
 Hỏi thăm bà quán giữa đàng :  
 — « Bữa qua có thấy người tang (3) chẳng là. »  
 Quán rằng : — « Thôi đã ra ma,  
 « Khi mai, làng xóm người đã đi chôn. »  
 Tiểu-dồng nghe nói kinh hồn,  
 Hỏi rằng : — « Biết chỗ nào chôn chỉ chừng. »

1) Suối vàng : Âm-phủ. Chín suối.

2) Sơn-quân : Vua núi : Con hổ (cọp).

3) Người tang : Người ăn vận đồ tang phục.

Tay lau nước mắt rung-rung,  
 Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao - xao,  
 Tiểu-dồng vội-vã bước vào,  
 929. — Xóm làng mới hỏi : « Thằng nào tới đây ? »  
 Đồng rằng : — « Tớ (1) tới kiếm thầy,  
 « Chẳng hay người tàng huyết này là ai ? »  
 Người rằng : — « Một gã con trai,  
 « Ở đâu không biết lạc loài tới đây !  
 « Chân tay mặt mũi tốt thay ;  
 « Đau chi nên nổi nước này, khá thương. »  
 Tiểu-dồng chẳng kịp hỏi-han ;  
 Năm lần lên má khóc than một hồi.  
 Người người xem thấy thương ôi !  
 930. — Kêu nhau vác cuốc đều lui ra dăng,  
 Tiểu-dồng ở giữa rừng hoang,  
 Che chời giữ má lòng toan trọn bề.  
 Một mình ở đất Đại-Đề,  
 Sớm đi quỳn giáo tối về quảy đơm (2).  
 Dốc lòng trả nợ áo cơm,  
 Sống mà trọn nghĩa, thác thơm danh hiền.

#### 4. — Trịnh-Hâm đẩy Văn-Tiên xuống sông.

Thứ này tới truyện Văn-Tiên,  
 Năm canh ngồi dựa be thuyền thở-than !

1) Tớ : đây tớ.

2) Quảy đơm : Cúng quảy cơm từng bữa.

Trong khăn lụy nhỏ chứa-chau,  
 90.— Cảm thương phận tớ mắc nàn khi không.  
 Lênh-dênh thuyền giữa biển đông,  
 Riêng than một tấm cô hồng (1) ngần-ngo.

Đêm khuya lặng-lẽ như tờ,  
 Ngõn ngang sao mọc, mịt-mờ sương bay.

Trình-Hâm khi ấy ra tay :  
 Văn-Tiên bị gã xô ngay xuống vôi.  
 Trình-Hâm giả tiếng kêu trời,  
 Cho người thức dậy, lấy lời phôi-pha.

Trong thuyền ai nấy ngó ra,  
 950.— Đều thương họ Lục xót-xa trong lòng !

Văn-Tiên mình lụy giữa đông ;  
 Có giao-long (2) đỡ vào trong bãi lầy.

Vừa may trời đã sáng ngày,  
 Ông chài trông thấy vớt ngay lên bờ.

Hồi con vầy lửa (3) một giờ,  
 Ông hơ bụng dạ, bà hơ mặt mày.

Văn-Tiên vừa ấm chân tay,  
 Ngần-ngo hồn-phách như say mới rồi,

Ngõ là mình phải nước trôi,  
 960.— Hay đâu còn hãy dặng ngồi dương-gian.

1) Cô hồng : Chiếc thuyền lẻ-lỏi.

2) Giao-long : Con rồng nước

3) Vầy lửa : Đốt hay nhóm lửa.

Ngư-ông khi ấy hỏi-han,  
Van-Tiên bày tỏ mọi dang gần xa.

Ngư rằng : — « Người ở cùng ta,  
« Hôm mai hăm-hút với già cho vui ».

Tiên rằng : — « Ông lấy chi nuôi,  
« Thân tôi nào khác trái mùi (1) trên cây.

« May mà trời nổi tới đây,  
« Không chỉ báo đáp, mình này trơ-trơ ».

Ngư rằng : — « Lòng lão chẳng mơ,  
970.— Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn ?

« Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
« Một câu danh lợi chẳng sờn lòng đây.

« Rày doi, mai vịnh, vui-vầy ;  
« Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.

« Một mình thong-thả làm ăn,  
« Khỏe, quơ chái kéo ; mệt, quăng câu dằm.

« Nghêu-ngao nay vũng mai dằm,  
« Một bầu trời đất, vui thắm ai hay.

« Kinh luân đã sẵn trong tay,  
980.— « Thung-dung mặt nước vui say giữa gò.

« Thuyền nan một chiếc thanh-thời,  
« Tầm mưa gọi gió trong vời Hàn-giang ».

Tiên rằng — : « Vậy cũng một làng,  
« Võ-Công người ở gần dăng đấy chẳng ? »

---

1) Trái mùi : Quả (trái) đã chín lắm. Ý nói : yếu-ỏi không giúp được gì nữa

Ngư rằng : — « nhà ở cũng gần (1),  
« Khởi ba khúc vịnh thi lần đến nơi ».

Tiên rằng : — « Xưa đã gá lời,  
« Sui-gia bao nữ đòi lời chẳng thương.

« Vợ chồng là đạo tao-khương (2),  
990. — « Chi bằng tôi đó tìm phương gởi mình.

« Trăm năm muốn trọn ân tình,  
« Gặp cơn hoạn-nạn ai đành bỏ nhau.

« Chút nhờ cửa tử ơn sâu,  
« Xin đưa tôi đó trước sau cho tròn ».

Ngư rằng : — « Là phận rẽ con,  
« Khác nào sợi chỉ mà lòn tròn kim,

« Sợ bay mà mỗi cánh chim,  
« Bơ-vơ cánh lạ khôn tìm cây xưa.

E khi chặm bước tới trưa ,  
1000 — « Chớ tin sông cũ bến xưa mà lắm.

« Mấy ai ở dạng hảo-tâm (3) ?  
« Năng toan giúp nón, mưa giùm áo tôi.

« Mấy ai hay nghĩ sự đời,  
« Nhớ nơi nghèo khổ, quên nơi sang giàu.

« Đã ba thứ tóc trên đầu,  
« Gẫm trong sự thế, thêm âu cho đời ».

Vân-Tiên xin đã hết lời,  
Ngư-Ông chẳng-đã tách vời đưa sang.

1) Có bản chép là : Ta ở đồng lân : Ta ở cùng xóm.

2) Tao-khương : Tấm cảm : chỉ nghĩa chồng vợ.

3) Hảo-tâm : Lòng tốt.

Dắt Tiên vào đến hậu-dàng,  
 1010.— Võ-Công trông thấy lòng càng hồ-ngươi.  
 Chẳng qua sợ thế-gian cười,  
 Một lời gượng-gạo chào người ngày xưa.

— « Ngu-Ông đã có công đưa,  
 « Tôi ngày sau sẽ lo-lừa đền ơn ».  
 Như ông : — « Tôi chẳng lòng sỡ  
 « Xin tròn nhân-nghĩa hay hơn bạc vàng.  
 « Nhớ xưa trong núi Lu-San,  
 « Có ông Ngu-Phủ đưa chàng Ngũ-viên (1).

« Đến sau Đình-trưởng đỗ thuyền,  
 1020.— « Giúp người Hạng-võ qua miền Ô-giang (2).

« Xưa còn thương kẻ mắc nạn,  
 « Huống nay ai nỡ quên dàng nghĩa nhân ».

Một lời gắng giúp keo sơn,  
 Ngu-ông từ-giã, lui chân xuống thuyền.

### 5.— Cha con Võ-thê-Loan mưu bỏ Vân-Tiên ở núi Thương-Tùng

Võ-công không ngọt lòng phiến,  
 An tình, thế lợi, khó tuyền vạy thay,

1) Ngũ-viên: Một tướng tài người nước Sở như có thù cha và anh bị Sở-vương giết, nên sang theo nước Ngô. Có nhiều bậc cao-sĩ giúp ông sang được nước Ngô.

2) Câu 1020: Là Sở-bá-vương đông-dã bao năm chống với Hán-cao-Tổ, khi đại bại chạy đến bờ Ô-Giang được anh Đình-Trưởng chở thuyền sang sông.

Dạy Tiên : — « Người hãy ngồi đây,  
Cho ta trở lại, sau này liệu toan ».

Công rằng : — « Mụ hỡi Quỳnh-Trang,  
030 — « Đồ lòng ái-nữ Thề-Loan thế nào ?  
« Mặc con toan liệu làm sao ?

« Vốn không ép vợ, lẽ nào ép con ! »

Loan rằng : — « Gót đỏ như son,  
« Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn ?  
« Ai cho sen ấu mọc chum ?

« Ai từng chanh khế sánh cùng lựu lê ?

« Thà không, trót chịu một bề,

« Nỡ đem mình ngọc dựa kề thất-phu,  
« Dốc lòng chờ đợi danh nhu, (1)

040 — « Rể đầu có rể dui-mù thế nay ?

« Đã nghe người nói hội này,

« Rằng : Vương-tử-Trực chiếm rầy thủ-khoa.  
« Ta dầu muốn kết sui-gia,

« Họ Vương họ Võ một nhà mới xinh ».

Công rằng : — « Muốn dặng việc mình,

« Phải toan một chước dứt tình cho xong. »

« Nghe rằng : trong núi Thương-tùng

« Có hang thăm-thăm bịt-bàng khôn ra.

« Đông-thành ngàn dặm còn xa,

105). — « Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu ? »

---

1) Danh nhu : Nhà nho, người có học thức cao  
có tiếng tăm liêng lẫy.

Phút vừa trắng đã đứng đầu,  
 Văn-Tiên ngồi trước nhà cầu thổ-thân,  
 Võ-Công ra trước dỗ chàng :  
 Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông-Thành!  
 Ra đi đương lúc tam canh,  
 Dắt vào hang tối bỏ đành Văn-Tiên,  
 Đoạn rồi rón-rén bước liền,  
 Xuống ngay chèo quế rời thuyền tách xa,  
 Tién rằng : — « Các chủ đưa ta,  
 1050. — « Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay.  
 « Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,  
 « Một phen ra sức, ngàn ngày chẳng quên ».!  
 Lặng nghe vắng tiếng hai bên,  
 Tay lặn hang tối đá trên chập-chùng,  
 Văn-Tiên khi ấy hãi-lùng,  
 Nghĩ ra mới biết Võ-Công hại mình,  
 Nực cười con tạo trở-trình (1),  
 Chữ duyên tráo-chác (2) chữ tình lãng-xao (3).  
 Gẫm mình tai nạn xiết bao,  
 1070. — Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.  
 Dày sâu ai khéo vương mang !  
 Tránh nơi lưới thổ, mắc đàng bẫy heo.  
 Trong hang sau trước quạnh hiu,  
 Muốn ra cho khỏi ai diu-dắt đi ?

1) Trở trình : *Trở trêu.*

2) Tráo-chác : *Gian-giảo, lừa lọc.*

3) Lãng-xao : *Tảng lờ, nhạt-nhẽo như không cố.*



Oan-gia nợ (1) đã khéo gây,  
 Ôi thôi ! Thân thể còn gì mà toan ?  
 Đã đành xa cõi nhân-gian,  
 Dựa mình vào chốn thạch bàn (2) năm co.  
 Đêm khuya ngọn gió thổi lò,  
 1080. — Sương sa lác-đác, mưa tro (3) lạnh-lùng.  
 Năm ngày chịu đói khát ròn,  
 Nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai.  
 Du thần (4) xem thấy ai hoài (5),  
 Xét trong mình gã, có bài phù tiên (6).  
 Mới hay là Lục-vân-Tiên,  
 Cùng nhau diu-dắt, đều liền đem ra.  
 Khởi hang một dặm xa-xa,  
 Đến nơi đại-lộ, trời vừa hừng đông.  
 Du thần trở lại sơn-trung (7),  
 1090. — Vân-Tiên còn hãy giấc nồng mê-man.

---

1) Oan-gia : Nhà bị oan-trái lâu đời.

2) Thạch bàn : Tấm đá phẳng.

3) Mưa tro : Mưa phùn, mưa bay.

4) Du thần : Vị thần đi chơi.

5) Ai hoài : Thương hại.

6) Phù tiên : Cái bùa tiên — Cũng có nghĩa là cái thẻ.

7) Câu này nghĩa là : Vị thần dong chơi trở về núi.

## 6. — Vân-Tiên được lão tiều cứu rồi gặp Hán-Minh vào ở chùa

Lão Tiều cõm gói sắn-sàng,  
Sớm mai xách búa đi ngang qua rừng.

Tới nơi đại-lộ là chùng,  
Xây nghe có tiếng trong rừng thở-than :

— « Hay là yêu quái tà gian,  
« Rung cây nát lão làm đường hại nhân ».

Lão Tiều liền bước lại gần,  
Thiệt là một gã văn-nhân mắc nạn.

Chi bằng lên tiếng hỏi-han :  
1100. — « Nhân sao mắc việc tai-nạn thế nay ? »

Vân-Tiên nghe tiếng, mừng thay !  
Vội vàng-gượng dậy trình bày trước sau.

Lão Tiều nghe nói hồi lâu,  
Găm trong thế-sự lắc đầu thở-than :

— « Ít người trong tuyết cho than (1),  
« Khó ngồi giữa chợ, ai màng đoái thương ».

Vân-Tiên nghe nói mới tường,  
Cũng trang hào-kiệt, biết đường thảo ngay.

— « Ngựa trông lọng cả cao dầy !  
1110. — « Cứu trong một thuở, ơn tày tái sanh !

« Mai sau về tới Đông-Thành,  
« Đền ơn cứu khổ mới đành dạ tôi ».

---

1) Cho than: Rét cho than để sưởi ấm. Ý nói: Giúp đỡ nhau lúc cùng quẫn.

Lão Tiều mới nói : — « Thôi, thôi,  
« Làm ơn mà lại trông hời (1) sao hay?

« Già hay thương kẻ thảo ngay,  
« Nay thôi, để lão dắt tay về nhà ».

Tiên rằng : — « Trong dạ xót-xa,  
« Nay đã sáu bữa không hòa mùi chi.

« Lại thêm rữ liệt tứ chi,  
1120. — « Muốn đi theo đó mà đi khôn rồi ».

Lão-Tiều vội ngửa áo tơi,  
Mở cơm trong gói miệng mời Văn-Tiên :

— « Gắng mà ăn uống cho yên,  
« Lão ra sức lão công Tiên về nhà ».



Khỏi rừng ra tới ngã ba,  
May đâu gặp một chàng là Hán-Minh.

Lão-Tiều lật-dật bôn-trinh,  
Hán - Minh theo hỏi sự tình một khi.

Văn-Tiên nghe tiếng cố-tri, (2)  
1130. — Vội mừng bạn cũ còn nghi nổi mình.

Minh rằng : — « Dám hỏi nhân-huynh,  
« Cớ sao, nên nổi thân hình thế ni ? »

Tiên rằng ; — « Chẳng biết nói chi,  
« Thân này nào có khác gì cây trời.

---

1) Trông : trông sự trả ơn lại — Hời là hoàn lại.

2) Cố-tri : Người quen cũ.

« Lênh-đênh, gió dập, sóng dồi,  
 « Rày đây, mai đó khôn rồi gian-nan ».  
 Minh rằng : — « Đây khó hỏi-han !  
 « Xin vào chùa sẽ luận bàn cùng nhau ».  
 Tiều rằng : — « Chẳng dám ngồi lâu,  
 1140.— « Vào rừng đốn củi, bán hầu chợ phiên ! »  
 Hán-Minh qui gối, lạy liền :  
 — « Ôn người cứu đặng Văn-Tiên bạn lành !  
 « Nay hai lạng bạc đề dành,  
 « Tôi xin báo đáp chút tình cho ông ! »  
 Tiều rằng : — « Lão vốn tay không !  
 « Một mình thông-thả non tùng (1) hôm mai,  
 « Tấm lòng chẳng muốn của ai ;  
 « Lộc rừng củi quế hôm mai đỡ lòng.  
 « Kia non, nọ nước, thông-dong,  
 1150.— « Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai !  
 « Công-hầu phú-qui mặc ai !  
 « Thuế-sưu nào biết, tiền-tài nào hay »,  
 Văn-Tiên nghe biết người ngay ;  
 Hỏi thăm tên họ phòng ngày đến ơn,  
 Lão-Tiều trở lại lâm-sơn (2) ;  
 Tiên, Minh vội-vã phản hồi am mây.  
 Tiên rằng : — « Đã gặp hội này ?

---

1) Non tùng : Nơi núi non có cây tùng mọc. Ý nói ở  
 Nơi người quân tử ở, giữ gìn tiết tháo của mình.

2) Lâm-sơn : rừng núi.

« Cớ sao ngọc-hữu (1) ở đây làm gì ? »  
 Minh rằng : « Xưa dốc xuống thi,  
 1160. — « Gặp nơi miếu-vũ, cùng đi một lần.  
 « Anh thời trở lại viếng thân,  
 « Còn tôi mang gói sau lần xuống Kinh.  
 « Đi vừa tới huyện Ô-minh,  
 « Gặp con quan huyện Đặng-Sinh là chàng,  
 « Sang giàu, ý thể nghènli-ngang,  
 « Gặp con gái tốt làm hoang không vì (2).  
 « Tôi bèn nổi giận một khi,  
 « Vặt chàng té xuống bể đi một giờ !  
 « Minh làm nữ để ai lo,  
 1170. — « Bỏ tay, chịu tội, nạp cho huyện-đường.  
 « Ân dầy ra quận Sóc-phương ;  
 « Tôi bèn vượt ngục tìm đường về đây.  
 « Vừa may lại gặp chùa này,  
 « Mai-danh ần-tích, bầy chầy nấu-nương ».  
 Văn-Tiên nghe nói thăm-thương,  
 Bèn bày khúc ngọn tai-ương phận mình.  
 Minh nghe Tiên nói động tình ;  
 Hai hàng lệ nhỏ như bình nước nghiêng.  
 Tiên rằng : — « Thương cội thung huyền (3) !  
 1180. — « Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao-đao ;

---

1) Ngọc-hữu : *Bạn quý.*

2) Không vì : *Cưỡng ép không nề gì ai.*

3) Cội thung huyền : *Chỉ cha mẹ già.*

« Trông con như hạn trông rào (1),  
« Minh này trời-nổi chốn nao biết đâu ?

« Đòi vầng nhật-nguyệt trên đầu !  
« Lo sao trả đặng công sâu sinh thành.

« Hữu tam bất hiếu (2) đã danh,  
« Tiều-dồng trước đã vì mình thác oan !

« Tưởng thời chua xót là gan !  
« Ruột đau chín khúc tâm can như dầm. »

Minh rằng : — « Người ở trong trần,  
1190. — « Có khi phú-qui, có lần gian-nan.

« Thấp cao vàng biết tuổi vàng (3) ;  
« Gặp cơn lửa đỏ màu càng thêm xuê.

« Thôi ! Thôi ! Anh chớ vội về,  
« Ở đây nương-náu, toan bề thuốc thang.

« Bao giờ hết lúc tai-nạn,  
« Đem nhaut ta sẽ lập dàng công-danh.

« Cam-La (4) sớm gặp cũng xinh.

---

1) Hạn trông rào : Lúc đại hạn (nắng lâu quá) mong mưa rào. Ý nói : Mong lắm — khát-khao chờ mong con về.

2) Hữu tam bất hiếu : Có ba tội bất hiếu với cha mẹ. Không con là tội nặng nhất. (Bất hiếu hứa tam vô hậu vi đại).

3) Câu này ý nói : Người ta ở đời, lúc thế nạn khi thế kia, thì mới hiểu thấu được cái cao quý của mình.

4) Cam-La mới 15 tuổi đã làm Tướng-quốc nước Tân ở Trung-quốc xưa (công danh sớm).

« Muộn như Khương-Tử cũng vinh một đời (1).  
« Nền, hư, có số ở trời.

1200.— « Bồn-chồn sao đặng (2) đời đời sao xong»,  
Vân-Tiên khi ấy yên lòng,  
Ở nơi am-tự (3) bạn cùng Hán-Minh.

### 7.— Vương-tử-Trực mắng cha con Võ-thê-loan

Võ-Công làm sự trở-trình,  
Dứt tình họ Lục mến tình họ Vương.  
Từ ngày hang đá hại chàng,  
Thê-Loan hôn-hở lòng càng thêm vui.  
Ngày ngày trang-diêm phấn dôi,  
Phòng khi gặp-gỡ, đứng ngồi cho xuê.  
Xảy đầu Tử-Trực vừa về,

1210.— Vào nhà họ Võ thăm bề Vân-Tiên.  
Công rằng : — « Chờ hỏi thêm phiền,  
« Trườe đã lâm bệnh hoàng-tuyền (4) xa chơi.

1) Khương-Tử-Nhà, tức là Lữ-Vọng, một vị thành-tướng đời nhà Chu. Hai câu này nghĩa là : Công danh sớm như Cam-La thì cũng bay, mà muộn như Khương-Tử-Nhà 72 tuổi mới ra giúp đời cũng vinh vậy.

2) Bồn-chồn sao đặng : Sốt ruột cũng không được.

3) Am-tự : Mái chùa gạch, nơi thầy tu ở.

4) Hoàng-tuyền : Suối vàng, âm phủ, chín suối. (Hoàng : vàng ; Tuyền : suối).

« Thương chàng phận bạc trên đời,  
 « Cũng vì Nguyệt-Lão xe lôi mỗi hồng. »  
 Nghe qua Tử-Trực chạnh lòng,  
 Hai hàng lệ ngọc rờn-rờn như mưa,  
 Than rằng : — « Chạnh nhớ linh xưa (1),  
 « Nghĩa đã kết nghĩa, tình chưa phỉ tình.  
 « Trời sao nữ phụ tài lành,  
 1220. — « Bảng vàng chưa gặp, ngày xanh đã mòn  
 « Cùng nhau chưa dựng vương tròn,  
 « Người đã sớm thác, ta còn làm chi ?  
 « Trong đời mấy bực cố tri (2)  
 « Mấy trang đồng đạo (3) mấy người đồng tâm (4) ».   
 Công rằng : — « Lão cũng xót thăm,  
 « Tủi đến con trẻ sắt-cầm đỡ-dang.  
 « Thôi ! Thôi ! Khuyên chớ thờ-thần,  
 « Lão đã tinh dặng một dang rất hay.  
 « Tới đây, thì ở lại đây,  
 1230. — « Cùng con gái lão xum vầy thất-gia (5).  
 « Phòng khi hôm sớm vào ra.  
 « Thấy Vương-tử-Trực cũng là Văn-Tiên ».

---

1) Linh xưa : *Chỉ người đã chết rồi — Ở đây chỉ Lục-Văn-Tiên.*

2) Cố tri : *Bạn cũ hiểu biết nhau.*

3) Đồng đạo : *Cùng theo một đạo.*

4) Đồng tâm : *Cùng lòng.*

5) Xum vầy thất-gia : *Thành vợ chồng.*



Trực rằng : — « Ngồi viết đĩa nghiên,  
« Anh em xưa có thể nguyên cùng nhau.

« Vợ Tiên là Trực chị dâu ;

« Chị dâu, em bạn dám dâu lỗi nghi (1) !

« Chẳng hay người đọc sách chi ;

« Nói ra những tiếng dị-kỳ khó nghe ?

« Hay là học thời nước Tề,

1240. — « Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-Công (2).

« Hay là học thời Đường-cung,

« Vợ người Tiễn-Lạc sánh cùng Thế-Dân (3).

« Người nay nào phải nhà Tần.

« Bất-Vi gả vợ, Di-Nhân lấy làm (4).

« Nói sao chẳng biết hồ thâm.

« Người ta há dễ là cầm thú sao ? »

Võ-Công hồ thẹn xiết bao,

Ngồi trán, khôn cãi lẽ nào cho qua.

Thề-Loan trong trường bước ra ;

1250. — Miệng chào : — « Thầy Cử tán khoa mới về;

1) Lỗi nghi : Trái với đạo phải. (Nghi là biến âm tiếng « nghĩa »).

2) Tử-Cử là con vua Tề-Hoàn-Công, bị Hoàn-công giết đi rồi chiếm lấy con dâu làm vợ.

3) Thế-Dân là vua Đường-thế-Dân. Tiễn-Lạc là em Thế-Dân có vợ đẹp bị Thế-Dân giết đi rồi chiếm lấy em dâu làm vợ.

4) Lã-bất-Vi có ý cướp ngôi nhà Tần nên đem người thiếp đã có mang dâng cho Di-Nhân (vua Tần). Chính người thiếp đó sinh ra Tần-thủy-Hoàng.

« Thiếp đã chẳng trọn lời thề.

« Lỡ bề sửa tráp, lỗi bề nâng khăn (1)»

« Tiếc thay dạ thổ nâng-nâng,

« Đêm thu chờ đợi bóng trăng bầy chầy»

« Không ưng thời cũng làm khuấy!

« Nỡ buồng lời nói chẳng vì, chẳng kiêng»

Trực rằng : — « Ai Lữ-phụng-Tiên (2)!

« Phòng toan đem thối Điều-Thuyền (3) trêu người?

« Mồ chõng ngọn cỏ còn tươi,

1260.- « Lòng nào mà nỡ buồng lời nguyệt-hoa.

« Hồ-han vậy cũng người ta,

« So loài cầm thú, vậy mà khác chi?

« Văn-Tiên! Anh hỡi cố tri,

« Suối vàng có biết thể ni chẳng là?»

Tay lau nước mắt trở ra

Vội về sắm-sửa tìm qua Đông-Thành.

Võ-Công hồ-thẹn trong mình,

Năm ngày nhiễm bệnh thất tinh, thác oan.

Thê-Loan cùng mộ Quỳnh-Trang,

1270.— Mẹ con đóng cửa cư-tang trong nhà.

1) « Sửa tráp nưng khăn » chỉ đạo làm vợ hầu-hạ sẵn sóc chồng.

2) Lữ phụng-Tiên : Tức Lữ-Bổ, viên tướng khỏe và đẹp trai đời Tam-Quốc, đã vì mê Điều-Thuyền mà giết cha mới là Đổng-Trác.

3) Điều-Thuyền : Một cô gái tuyệt sắc thời Tam-Quốc. Thối Điều-Thuyền : lối đem sắc đẹp và lời nói tình ái để cám dỗ.

### 8.— Nguyệt-Nga vẽ tượng thờ Lục-Vân-Tiên

Thư này tới thư Nguyệt-Nga,  
 Hà-Khê phủ ấy theo cha học-hành.  
 Kiêu-Công lên chức Thái-Khanh,  
 Chỉ sai ra quận Đông-thành chặn dân.  
 Ra tờ khắp hết xa gần.  
 Hỏi thăm họ Lục tìm lần tới nơi.  
 Đặng tin, tả thiệp sang mời.  
 Lục-ông vâng lệnh tới nơi dinh tiền  
 Kiêu-Công hỏi chuyện Vân-Tiên,  
 1280.— Lục-ông thấy hỏi, bỗng liền khóc than.  
 Thưa rằng : — « Nghe tiếng đồn vang,  
 « Con tôi mắc bệnh giữa đường bỏ thầy,  
 « Biết tin từ đây nhân nay,  
 « Phút nghe người hỏi, dạ này xôn-xang »,  
 Kiêu-Công trong dạ bàng-hoàng,  
 Trở vào thuật lại cùng nàng Nguyệt-Nga :  
 — « Lục-ông người nói cùng cha,  
 « Duyên con rày đã trời hoa, dạt bèo »,  
 « Riêng than chút phận tơ đào,  
 1290.— « Hán-giang (1) chưa gặp, Ô-Kiều (2) lại rơi »,  
 Nàng rằng : — « Quả thiệt như lời,  
 « Xin cha sai kẻ mời người vào trong ».

1) Hán-giang : Sông Ngân-hà.

2) Cả câu này có nghĩa là : Chưa được cùng như thành vợ chồng thì tình duyên đã tan vỡ.

Nguyệt-Nga đứng dựa bên phòng,  
Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa.

Công rằng : — « Nào bức tượng xưa ?  
« Ai nhi con khá đem đưa người nhìn ».

Lục-ông không chớp mắt nhìn,  
Tay chân mặt mũi giống in con mình.

Nguyệt-Nga thưa lại phân minh,  
1300. — Lục-ông khi ấy sự tình mới hay :

— « Thương con phận bạc lắm thay,  
« Nguyễn xưa còn đó, con rày đi đâu ? »

Nguyệt-Nga chi tiết nỗi sầu ?  
Lục-ông, thấy vậy, càng đau gan vàng.

Kiểm lời khuyên giải với nàng :  
« Giải con phiền não, kéo mang lấy sầu.

« Người đời như bóng phù-du.  
« Sớm còn tối mất, công-phu lỗ-làng.

Cũng chưa đồng tịch, đồng sàng (1),  
1310. — « Cũng chưa nên chử tao khang đâu mà !

« Cũng như cửa sổ ngựa qua (2)  
« Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền ? »

Nàng rằng : — « Trước đã trọn duyên,  
« Dầu thay mái tóc, vẹn tuyền mối tơ

1) Đồng tịch, đồng sàng : Cùng chiếu cùng giường.

2) Ý nói : Thì giờ đi mau lắm, việc đã do thời gian mang trôi qua đi rồi.

Công rằng : — « Ớn trước ngài xưa. »  
 Liền đem vàng bạc tạ đưa cho người.

Lục-ông cáo tạ xin lui :

« Tôi đâu dám chịu của người làm chi.

« Ngõ là con trẻ mất đi,

1320. — « Hay đâu cốt-cách còn ghi tượng này.

« Bây giờ con lại thấy đây,

« Tấm lòng thương nhớ dễ khuấy đặng nào? »

Ngũra than : — « Đất rộng ! Trời cao !

« Tre còn, măng mất (1), lẽ nào cho cần ».

Lục-ông từ-tạ lui chân !

Kiều-Công sai kẻ gia-thần (2) đưa sang.

Nguyệt-Nga nhuộm bệnh, thở-than ;

Năm canh lụy ngọc xôn-xang lòng vàng :

« Nhớ khi thề-thốt giữa dằng.

1330. — « Chưa người-đoạn thắm lại vương mối sầu.

« Công-phu chờ đợi bấy lâu,

« Thà không cho gặp buổi đầu thời thời !

« Biết nhau chưa đặng mấy hồi ;

« Kẻ còn người mất. Trời ôi là trời !

« Thề xưa tạc đá ghi lời,

« Thương người quân-tử, biết đời nào phai ?

« Tiếc thay một đấng anh-tài

« Nghề văn, nghiệp võ, nào ai dám bì.

---

1) Tre còn, măng mất : Cha mẹ còn sống mà con đã chết rồi.

2) Gia-thần : Người trông nom săn-sóc việc trong nhà.

- « Thương vì đèn sách lòng ghi :
1340. — « Uổng công, nào thấy tiếng gì là đau ?
- « Thương vì hai tám tuổi đầu,
- « Người đời như bóng phù-dầu lơ-lãng.
- « Thương vì chưa dựng hiển-vang,
- « Nước trôi sự nghiệp, hoa tàn công danh.
- « Thương vì đôi-lừa chưa thành.
- « Nén hương bát nước ai dành ngày sau (1) ?
- « Năm canh chẳng ngọt giọt châu,
- « Mắt nhìn bức tượng ruột đau như dẫu.
- « Dương-gian nay chẳng dựng gần,
1350. — « Âm-cung biết có thành thân chẳng là ?
- Kiều-Công thức dậy bước ra,
- Nghe con than thở xót-xa lòng vàng.
- Khuyên rằng : — « Chớ khá ưu mang,
- « Gẫm bề sống thác là dằng xưa nay.
- « Đàn cầm ai nữ đứt dây,
- « Chẳng qua máy tạo vẫn xây không thường».
- Nàng rằng : — « Chi tiết nỗi thương,
- « Khi không gãy gán giữa đường chẳng hay.
- « Nay đà loan phụng (2) lữ bầy,
1360. — « Nệm nghiêng, gối chiếc phận này đã cam

---

1) Ai là người sau này cũng giỗ. Ý nói : Vô truyền, vì không có con.

2) Chim Loan, chim Phượng, thường dùng để ví vợ chồng đẹp lứa.

« Trăm năm thề chẳng lòng phàm (1)  
 « Sông Ngân (2) đưa bạn, cầu Lam (3) rước người.  
 « Thân con còn đứng giữa trời,  
 « Xin thờ bức tượng trọn đời thời thời ».  
 Kiều-Công trong dạ chẳng vui :  
 — « Con đã giữ liết cha xui lẽ nào ?

..

### 9. — Nguyệt-Nga công Phiên

Cảnh nhà ruột xót như bào,  
 Truyện ngoài đầu lại đưa vào tự-nhiên.  
 Có người ngồi cả quý-quyền,  
 1370. — Thái-sư chức trọng ngự-tiền sắc phong  
 Nghe đồn con gái Kiều-Công,  
 Tuổi vừa hai tám tơ hồng chưa vương (4).  
 Thái-sư dùng lễ-vật sang,  
 Cậy người mai-mối kết đảng suôi-gia.

1) Lòng phàm : Trần tục — Tâm thương. Ý nói : Không lấy chồng nữa.

2) Ngân-hà hay Thiên-hà — Chức-nữ hàng năm phải qua con sông này để sang gặp Ngưu Lang vào ngày thất tịch (mồng 7 tháng 7).

3) Lam-kiều : Bùi-Hàng tới Lam-Kiều thì gặp Văn-Anh rồi cùng nhau kết đôi lứa vợ chồng. Sông Ngân cầu Lam, dùng chỉ tình duyên.

4) Mười sáu tuổi và chưa có chồng.

Kiều-Công khôn ép Nguyệt-Nga,  
Lễ-nghi trả lại về nhà Thái-sư,

Thái-sư lòng chẳng rộng suy ;  
Đem điều oán-hận mà ghi vào lòng.

Xây đầu giặc Mọi hành-hung,  
1380. — Ô-Qua quốc-hiệu binh hung dấy loạn (1).

Đánh vào tới cửa Đổng-quan,  
Sở-Vương phán hỏi lưỡng ban quần thần :

— « Sao cho vững nước an dân,  
« Các quan ai biết mưu thần bày ra ».

Thái-sư sẵn có cừu nhà (2),  
Vội-vàng qui gối tâu qua ngài vàng :

— « Thuở nay giặc Mọi dấy loạn,  
« Cũng vì ham sắc phá tan Trung-Hoa.

« Muốn cho an giặc Ô-Qua,  
1390. — « Đưa con gái tốt giao-hòa thời xong.

« Nguyệt-Nga là gái Kiều-Công,  
« Tuổi vừa hai tám má hồng dương xinh.

« Nàng là quốc sắc khuynh-thành (3),  
« Lại thêm hai chữ tài tình hào-hoa. »

« Gả nàng về nước Ô-qua,  
« Chúa Phiền đẹp dạ, ắt là bãi binh ».

---

1) Ô-Qua : Một nước tên gọi là Ô-qua đem quân vào gây loạn định xâm lăng bờ cõi.

2) Cừu nhà : Thù nhà.

3) Quốc sắc khuynh thành : Sắc đẹp làm cho nghiêng nước nghiêng thành tức là nhan sắc tuyệt đẹp.



Sở-Vương nghe tấu thuận tình ;  
 Châu phê khiến sứ ra dinh Đông-Thành :  
 « Sắc phong Kiêu-Lão Thái-Khanh :  
 140 ).— Việc trong nhà nước trăm dân cây người.  
 Nguyệt-Nga là đứng nên người,  
 Lựa ngày tháng chín, hai mươi cổng Hồ. »  
 Kiêu-công vàng lệnh trao-dò,  
 Trung quân đâu dám nói phò điều nào ?  
 Nguyệt-Nga trong dạ như bão,  
 Canh chầy chẳng ngủ, những thao-thức hoài.  
 Thất tình trăm lược biếng cái  
 Dưa mần, bỏ xõa tóc dài, ngồi lo :  
 « Chiêu-quân (1) xưa cũng cổng Hồ,  
 1410.— « Bởi người Diên-Thọ (2) họa đồ gây nên.  
 « Hạnh-Nguyên (3) sau cũng chẳng yên.  
 « Vì người Lư-Kỷ (4) cựu hiềm còn ghi.  
 « Hai nàng chẳng-đã phải đi,  
 « Một vi ngay chúa, một vi thảo cha (5).

1) Chiêu-quân : Một mỹ-nhân, cung phi vua Hán Mị sang cống vua Phiên để dập tắt ngọn lửa chiến-tranh.

2) Mao-diên-Thọ, đại gian thần triều Hán, vẽ tranh nàng Chiêu-Quân để vua Phiên xem mê mà gây chiến-tranh với Hán.

3) Hạnh-Nguyên : Một người đẹp và là một trong các nhân-vật-chính trong truyện Nhị-dộ-Mai.

4) Lư-Kỷ : Một nhân-vật gian thần trong truyện Nhị-dộ-Mai.

5) Câu này ý nói : Chiêu-Quân giữ được đạo thẳng ngay với vua và Hạnh-Nguyên giữ được lòng hiếu thảo với cha.

- « Chiêu-Quân nhảy xuống giang-hả,  
 « Thương vua nhà Hán, nâng đá quỳn-sinh,  
 « Hạnh-Nguyên nhảy xuống Tri-linh,  
 « Thương người Lương-Ngọc (1) duyên lành phối phả  
 « Đến nay bạc phận là ta ;  
 1420.— Nguyễn cùng bức tượng trót đá chung thân,  
 « Tinh phu-phụ nghĩa quân-thần !  
 « Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên.  
 « Nghĩa tình nặng cả hai bên !  
 « Nếu ngay cùng chúa, lại quên ơn chồng,  
 « Sao sao một thác thời xong !  
 « Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự phu ».  
 Kiền-công nương gối dương lo,  
 Nghe con than-thở mấy câu thêm phiền,  
 Kêu vào ngồi dựa trường tiên,  
 1430.— Lấy lời giáo-huấn cho tuyền thân danh  
 — « Chẳng qua là việc Triều-đình,  
 « Nào cha có muốn ép tình chi con ? »  
 Nàng rằng : — « Còn kể chi con ?  
 « Bơ-vơ chút phận mất còn quản bao ?  
 « Thương cha tuổi-tác đã cao !  
 « E khi ấm lạnh buổi nào biết đâu !  
 « Tuổi già bóng xế ngành dâu !  
 « Sớm xem, tối xét, ai hầu cho cha ».

---

1) Mai-lương-Ngọc : là nhân-vật-chính trong truyện  
 Nhị-dộ-Mai người tình của Hạnh-Nguyên.

Công rằng : — « Chi sá việc nhà ?  
 1440. — « Hay an dạ trẻ mà qua nước người.  
 « Hôm nay đã lời mồng mười ;  
 « Khá toan sắm-sửa hai mươi tống-hành (1) ».  
 Nàng rằng : — « Việc ấy đã đành !  
 « Còn lo hai chữ « ân tình » (2) chưa xong.  
 « Con xin sang lạy Lục-ông,  
 « Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân-Tiên,  
 « Ngỏ cho ơn nghĩa vẹn tuyền,  
 « Phòng sau xuống chốn hoàng-tuyền (3) gặp nha o.  
 Kiều-công biết nghĩ rước sau,  
 1450. — Ban cho tiền bạc cấp hầu đưa đi.  
 Lục-ông ra đón một khi,  
 Nguyệt-Nga vào đặt lễ-nghi sẵn-sàng.  
 Ngày lành giờ ngọ dâng-dàn (4),  
 Ân chay năm dất, cho chàng Vân-Tiên.  
 Mỡ ra bực tượng treo lên ;  
 Trong nhà cho đến lán-giếng đều thương.  
 Nguyệt-Nga lớn tiếng khóc than :  
 — « Vân-Tiên, anh hỡi ! Suối vàng có hay ? »  
 Bảy ngày xong việc làm chay,  
 1460. — Bèn đem tiền bạc tạ rày Lục-ông :

1) Tống-hành : Tiền chân lúc ra đi.

2) Ân-tình : Ôn mà Lục-vân-Tiên đã cứu nàng và một  
 như mà nàng đã ước hẹn cùng chàng.

3) Hoàng-tuyền : Suối vàng, chỉ âm-phủ.

4) Giờ ngọ dâng-dàn : giữa trưa lên đàn làm lễ.

— « Trông chồng mà chẳng thấy chồng !  
 « Đã dành một nỗi má hồng vô-duyên !  
 « Rày vua sắc chỉ (1) hòa Phiên,  
 « Quyết lòng xuống chốn cửu-tuyền gặp nhau !  
 « Chẳng chi cũng gọi là dâu,  
 « Muốn lo việc nước, phải âu đạo nhà.  
 « Một ngày, một bước, một xa,  
 « Cửa này để lại cho cha đấng già ».  
 Lay rồi nước mắt nhỏ sa,  
 1470. — Ngùi-ngùi từ già, bước ra trở về,  
 Ỗ Tới nơi xe ngựa chỉnh tề,  
 Năm-mươi thê-nữ (2) hầu kẻ chân tay.  
 Hai-mươi nay đã đến ngày,  
 Các quan bảo-hộ đưa ngay xuống thuyền.  
 Nguyệt-Nga vội khiến Kim-Liên,  
 Lên mời thân-phụ xuống thuyền xem qua.  
 Công rằng : — « Dạ đã xót-xa !  
 « Con đừng bịn-rịn cho cha thâm sâu ! »  
 Nàng rằng : — « Non nước cao sâu.  
 1480. — « Từ đây cách khỏi, khôn hầu thấy cha !  
 « Thân con về nước Ô-Qua,  
 « Đã dành một nỗi lam ma đất người !  
 « Đồi phương Nam Bắc cách vời,  
 « Con xin gửi lại một lời lâm khuây :

1) Sắc chỉ : *Chiếu chỉ của nhà vua ban ra.*

2) Thê-nữ : *Con gái hầu hạ trong cung vua chúa.*

— « Hiu-hiu gió thổi ngọn cây,  
 « Ấy là hồn trẻ về đây thăm nhà »,  
 Kiều-Công lụy ngọc nhỏ sa,  
 Các quan ai nấy cùng là đều thương.  
 Chẳng qua là việc quân-vương (1),  
 #390. — Cho nên phụ-tử (2) hai đường xa-xôi !  
 Buồm trương, thuyền vôi tách vôi !  
 Các quan đưa đón ngúi-ngúi đứng trông !

### 10. — Nguyệt-Nga nháy xuống sông và được Phật cứu

Mười ngày vừa tới ải Đông,  
 Mênh-mông biển rộng đung-dung sóng xao,  
 Đêm nay chẳng biết đêm nào,  
 Bóng trắng vằng-vặc, bóng sao mờ-mờ ;  
 Trên trời lặng-lẽ như tờ,  
 Nguyệt-Nga nhớ đến tóc-tơ (3) chẳng tròn :  
 Than rằng : — « Nọ nước, kia non !  
 #500 — « Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ? »  
 Quan quân đều ngủ đã lâu :  
 Léo ra mở bức rèm châu một mình :  
 — « Vằng người còn bóng trắng thanh,  
 « Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.

1) Việc quân-vương : Việc của nhà vua.

2) Phụ-tử : Cha, con.

3) Tóc tơ : Chỉ tình nghĩa vợ chồng.

« Văn-Tiên ! Anh hỡi có hay ?  
 « Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng »  
 Than rồi lấy tượng vai mang,  
 Nhắm giòng nước chảy vội-vàng nhảy ngay,  
 Kim-Liên thức vậy mới hay,  
 1510. — Cùng quân thê-nữ (1) một bài đều lạ.  
 Cùng nhau chẳng dám tri-hờ,  
 Liệu toan mưu-kế chẳng cho lộ tinh :  
 — « Việc này là việc Triều-dinh,  
 « Đốc quan hay đặng, ắt mình thác oan.  
 « Muốn cho cần-nhiệm (2) trăm ngàn,  
 « Kim-Liên thế lấy làm nàng Nguyệt-Nga,  
 « Trá hôn, về nước Ô-Qua,  
 « Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu ? »  
 Tinh xong chước ấy nhiệm-mầu,  
 1520 — Phút nghe thuyền đã đến đầu ải-quan (3).  
 Đốc-quan xa giá đưa sang,  
 Kiệu trưng long phụng phò nàng về Phiên,  
 Ai hai ty-tất (4) Kim-Liên,  
 Đặng làm Hoàng-hậu nước Phiên trọn đời,  
 Nguyệt-Nga mình xuống giữa vời,  
 Sông thần đưa-dây vào trong bãi lầy,  
 Bóng trắng vira khuất ngọn cây,

1) Thê-nữ : Con hầu các vị hoàng-hậu, quý-phã.

2) Cần-nhiệm : Cần-thận và nhiệm-nhật.

3) Aì-quan : Cửa biên giới.

4) Ty-tất : Con hầu gút.

Nguyệt-Nga hôn hãỵ chơi rày âm-cung;

Kiếp bao sương tiết đêm đông,

1530.— Minh nằm giữa bãi lạnh-lùng ai hay ?

Quan-Âm thương gái thảo ngay,

Beu đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.

Dặn rằng : — « Nàng Kiều-Nguyệt-Nga,

« Tim nơi nương-náu cho qua tháng ngày,

« Đồi ba năm nữa gần đây,

« Vợ chồng sau sẽ sum-vầy một nơi. »

Nguyệt-Nga giây phút tỉnh hơi,

Định hôn mới nghĩ mấy lời chiêm-bao,

Thiệt hư chưa biết làm sao ?

1540.— Bấy giờ biết kiếm nơi nào gởi thân ?

Một mình luống những bản-khoản,

Phút đầu trời đã rạng dần vùng đông.

Một mình mang bức tượng chồng,

Nấy đầu lại gặp Búi-ông dạo vườn.

Ông rằng : — « Nàng ở hà phương (1),

« Việc chi mà đến trong vườn hoa ta ».

Nàng rằng : — « Trần gió hôm qua,

« Chùm thuyền nèn nổi thân ra thế này.

« Tội-lắm xảy bước tới đây,

1550.— « Xin ông soi xét thơ-ngây lạc đàng ».

Búi-ông đứng ngắm tướng nàng,

Chẳng trang dài-các cũng hàng trăm-anh (2).

1) Ở hà phương : Ở phương nào. Ở đâu ?

2) Trăm-anh chỉ : Nơi quyền quí.

Đầu đuôi han-hỏi sự tình,  
 Nàng bèn lấy thiệt việc mình thừa qua.  
 Búi-ông mừng rước về nhà,  
 Thay xiêm đổi áo nuôi mà làm con.  
 Rằng : — « Ta sinh dặng chời non,  
 « Tên là Búi-Kiệm, hãy còn ở kinh.  
 « Trong nhà không gái hậu-sinh,  
 1560.- « Ngày nay dặng gặp minh-linh (1) phước trời  
 Nguyệt-Nga đã ở an nơi,  
 Đêm đêm nghĩ lượng sự đời gần xa.  
 Một lo về nước Ô-Qua.  
 Vua hay bắt tội cha già rất oan.  
 Hai lo phận gái hồng-nhan,  
 Sợ khi bảo dưỡng, sau toan lẽ gì.

### **II. — Cha con Búi-Kiệm đổ-dành. Nguyệt - Nga, bỏ trốn đi**

Nguyệt-Nga luống những sầu bi,  
 Phút dàu Búi-Kiệm tới khi về nhà.  
 Từ ngày thấy mặt Nguyệt-Nga,  
 1570 — Đêm đêm trần-trọc phòng hoa mấy lần.  
 Thấy nàng thờ bức tượng-nhan,  
 Nghiệm trong tình ý, dần lân (2) hỏi liền :

---

1) Minh linh : Con nuôi.

2) Dần lân : Dần dần lân-la lại gần.



— « Tượng này sao giống Văn-Tiên,  
« Bảy lâu thờ có linh-thiên điều gì? »

Nàng rằng : — « Hễ phận nữ-nhi,  
« Một câu « trinh tiết » phải ghi vào lòng.  
« Trăm năm cho trọn chữ lòng,  
« Sống sao thác vậy một chồng mà thôi, »

Kiếm rằng : — « Nàng nói sai rồi,  
1583. — « Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa?  
« Làm người trong cõi nắng mưa,  
« Bảy-mươi mấy mặt (1); người xưa thế nào?  
« Chùa-xuân còn ở vườn đào (2),  
« Ong qua bướm lại (3) biết bao nhiêu lần.  
« Chùa-Đông ra khỏi vườn xuân (4),  
« Huế tàn nhụy rữa là rừng bỏ hoang.  
« Ở đời ai cậy giàu sang,  
« Ba xuân (5) dần hết, ngàn vàng khôn mua.  
« Hay chi những vãi ở chùa,  
1590. — « Một căn cửa khép bốn mùa lạnh tanh,  
« Lênh-dênh một chiếc thuyền tình,

---

1) Bảy-mươi mấy mặt : *Mấy người sống được đến 70 tuổi.*

2) Câu này ý nói : *Còn trẻ trung lắm.*

3) Ong bướm : *Chỉ những người con trai rập-riu sẽ đi chiếm đoạt tình yêu của con gái.*

4) Câu này ý nói : *Cái thời trẻ trung đã qua đi.*

5) Ba xuân : *Ba tháng xuân, chỉ tuổi trẻ trung.*

Mười-hai bến nước (1) biết mình vào đâu ?

« Ai từng mặc áo không bầu ?

« Ăn cơm không dưa, ăn trầu không cau ?

« Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,

« Để ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình ».

Nàng rằng : — « Từng đọc sử kinh,

« Làm thân con gái, chữ Trinh làm đầu,

« Chẳng quen thói nước Trinh đầu,

1609. — « Hẹn người lời giữa vườn dâu tự-tĩnh (2).

Kiếm rằng : — « Nàng thuộc sử kinh,

Sao chẳng suy-xét đề mình nằm không :

« Hồ-Dương, xưa mới góa chồng,

« Còn ham nhan-sắc Tống-Công cũng vừa.

« Hạ-cơ lớn nhỏ đều tra,

« Sớm đưa Doãn-phụ, tối ngựa Trần-quân.

« Hàn xưa Lữ-Hậu thanh-xuân,

« Còn vừa Cao-Tồ mấy đánh Di-Ky.

« Đường xưa, Võ-Hậu thiệt gì,

1610. — « Di-Tôn khi trẻ, Tam-Tư lúc già.

« Cứ trong sách vở nói ra,

« Một đời sung-sướng cũng qua một đời.

« Ai ai cũng ở trong trời,

« Chính-chuyên một kiếp chết thời ra ma.

1) Mười hai bến nước : khắp thiên hạ. Ý nói : Hết  
thầy mọi hạng người.

2) Ngày xưa trên bờ sông Bộc, trong ruộng dâu là  
chỗ trai gái nước Trịnh và nước Vệ hẹn-hò nhau làm thề  
đám ó.

« Người ta chẳng lấy người ta,  
 « Người ta đâu lấy những là tượng nhân,  
 « Làm chi thiệt phận hồng-nhan,  
 « Học đời Như-Ý vẽ chàng Văn-quản ».

Nguyệt-Nga biết đũa tiều-nhan,  
 1620.— Làm thịnh toan chước thoát thân cho rồi.

Bùi-ông ngon-ngọt trau giồi (1),  
 Đồ nạng cho dặng sánh đời con mình :  
 « Làm người chấp nhất sao đành,  
 « Hễ là lịch-sự (2) có kinh, có quyền.  
 « Tới đây duyên đã bén duyên,  
 « Trăng thanh gió mát cầm thuyền chờ ai ?  
 « Chử rằng : « Xuân bất tái lai » (3)  
 « Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn,  
 « Làm chi thiệt phận hồng nhan,  
 1630.— « Năm canh gối phụng nệm loan lạnh-lùng.  
 « Vọng-phu (4) xưa cũng trông chồng,  
 « Ngày xanh môn-mối má hồng phôi-pha.

1) Trau-glôi : Đồ ngon, đồ ngọt.

2) Lịch-sự : Ở đây nghĩa là từng trải việc đời—Lịch-  
 lãm.

3) Xuân bất tái lai : Xuân đi không trở lại nữa. Ý nói :  
 Thời tuổi trẻ của người ta qua không bao giờ trở lại.

4) Vọng phu : Người đàn bà trông đợi chồng. Do lịch :  
 ngày xưa có người đợi chồng sau chết hóa thành đá gọi là :  
 đá vọng phu.

« Thôi! thôi! khuyên hãy vì ta  
 « Vầy cùng con lão một nhà cho xuôi. »  
 Nguyệt-Nga giả dạng mừng vui ;  
 Thừa rằng : — « Người có công nuôi bấy chày !  
 « Tôi xin gửi lại lời này,  
 « Hãy cho chằm-chạm sẽ vầy nhân-duyên,  
 « Tôi xin lạy tạ Văn-Tiên,  
 1640. - « Chay đàn bảy bữa cho tuyền thủy chung »  
 Cha con nghe nói mừng lòng,  
 Dọn nhà sắm-sửa động-phòng cho xuê  
 Chiêu hoa gởi sách bộn-bề,  
 Cỗ đồ bát bửu mượn về chung ra.  
 Xây vừa đến lúc canh ba,  
 Nguyệt-Nga lấy bút đề vài câu thơ.  
 Dán trên vách phần một tờ,  
 Vai mang bức tượng một giờ ra đi.  
 Hai bên bờ bụi rậm-ri,  
 1650. — Đêm khuya vắng-vẻ, gặp khi trăng lờ.  
 Lạ chừng đường sá bơ-vơ,  
 Có bấy đom-đóm sáng nhờ đi theo.  
 Qua trường rồi lại lên đèo,  
 Để ngấm non-ni, ve kêu não-nùng.  
 Dày sình đập sỏi thẳng xông.  
 Vừa đầu trời đã vừng-đông ló đầu.  
 Nguyệt-Nga đi dặng hồi lâu,  
 Tìm nơi bàn thạch (1) ngô-hầu nghỉ chân.

1) Bàn thạch : Tấm đá phẳng.

Người ngay, Trời Phật cũng gần!

1660. — Lão bà chống gậy trong rừng lẩn ra,

Hỏi rằng: — « Nàng phải Nguyệt-Nga ?

\* Khá mau găng-gượng về nhà cùng ta !

« Khi đêm nằm thấy Phật-bà,

\* Người đã mách bảo nên già phải đi. »

Nguyệt-Nga bán tin bán nghi ;

Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.

Bước vào thấy những dân-bà,

Làm nghề dệt vải lụa-là mà thôi.

Nguyệt-Nga yên dạ ở rồi

1670. — Từ đây mới hết nỗi-trời chồn nào !

Hỏi thăm ra chốn Ô-Sào,

Quan-sơn (1) mấy dặm đi nào tới nơi !



### CHƯƠNG III

#### I. — Vân-Tiên khỏi mù về quê thăm cha và sang tạ ơn Kiều-công

Đoạn này tôi thứ ra đời :

Vân-Tiên thừa ấy ở nơi chùa-chiền.

Nửa đêm nằm thấy ông tiên,

Đem cho linh-được mắt liền sáng ra.

1) Quan-sơn : Nơi cửa ải về núi non.

Kể từ nhuộm bệnh đường xa,  
 Tháng ngày thắm-thoắt kể đã sáu năm.  
 Tuổi cha rày đã năm-lăm,  
 1680.— Trạnh lòng nhớ tới dăm-dăm lụy sa !  
 Văn-Tiên trở lại quê nhà ;  
 Hán-Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.  
 Tiên rằng : — « Ta lợi cố hương,  
 « Ơn nhau sau gặp khoa-trường sẽ hay ! »  
 Minh rằng : — « Tôi vốn chẳng may !  
 « Ngày xưa mắc phải án dày trốn đi,  
 Dám dẫu bày mặt ra thi,  
 « Thôi đành hai chữ qui-y chùa này ! »  
 Tiên rằng : — « Chẳng kịp thi chầy,  
 1690.— « Sao sao cũng tính xum-vầy cùng nhau !  
 « Mấy năm hăm-hút tương rau ;  
 « Khó nghèo nữ phụ, sang giàu nữ quên ?  
 « Lúc hư còn có lúc nên,  
 « Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay. »  
 Hán-Minh trở lại am mây (1),  
 Văn-Tiên về một tháng chầy tới nơi.  
 Lục-ông nước mắt tuôn rơi :  
 — « Ai dè con sống trên đời thấy cha ! »  
 Xóm-giềng, cô bác gần xa,  
 1700.— Đều mừng chạy lời chạt nhà hỏi thắm.

---

1) Am mây : Mái tranh thờ Phật dựng ở một nơi tĩnh-mịch thường có mây buông phủ xuống — Chỉ : Nơi tu-hành.

Ông rằng : — « Kể đã mấy năm,  
« Con mang tật bệnh ăn nằm nơi nao ? »

Tiên rằng : — « Hoạn-nạn xiết bao,  
« Mẹ con phần-mộ nơi nào viếng an ? »

Đặt bày lễ-vật nghiêm-trang,  
Đọc bài văn-tế trước bàn minh-sinh :

— « Suối vàng hồn mẹ hiền linh,  
« Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay. »

« Tưởng bề nguồn nước cội cây,  
1710. — Công cao nghìn trượng nghĩa dày chín  
[trăng (1)]

Suy người năm giá khóc măng (2),  
« Hai-mươi-bốn thảo (3) đau bằng người xưa ».

Ván-Tiên nước mắt như mưa,  
Tế rồi tại hỏi việc xưa ở nhà.

Ông rằng : — « Có Kiều-Nguyệt-Nga,  
« Bạc vàng đem giúp cửa nhà đặng xuê.

1) Ý nói : Công ơn sinh thành, nuôi-nấng của cha mẹ lớn lao như trời như đất.

2) Ông Ngô-manh-Tông xưa là một trong 24 người con chi hiếu ; mẹ ông thêm măng vào mùa lạnh măng không mọc, ông bèn ra nằm phục xuống gốc tre mà khóc. Nước mắt hiếu-thảo thấm xuống gốc tre khiến măng mọc lên. Do tích « khớp trúc cội đuôn » trong NHỊ THẬP TỬ HIẾU.

3) Ngày xưa có 24 người con chi hiếu được ghi vào thành cuốn sách đặt tên là : « NHỊ THẬP TỬ HIẾU ».

« Nhờ nàng nên mới ra bề,  
« Chẳng chi khó đời bỏ quê đi rồi. »

Váu-Tiên nghe nói ; hỏi ỏi !

1720.— Tranh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu...

Hỏi rằng : — « Nàng ấy ở đâu ?  
« Đặng con tôi đó đáp câu ân tình. »

Lục-ông thuật việc triều-dinh,  
Đầu đuôi chuyện-văn tỏ tình cùng Tiên :  
— « Kiều-công rày ở Tây-Xuyên,  
« Cũng vì mắc nịnh biếm quyền (1) đuổi ra. »

Tiên rằng : — « Cảm nghĩa Nguyệt-Nga,  
« Tôi xin qua đó tạ cha nàng cùng. »

Tây-Xuyên ngàn dặm thẳng xông,  
1730.— Đến nơi ra mắt. Kiều-công khóc liền :

— « Nguyệt-Nga rày ở nước Phiên,  
« Biết sao cho dặng đoàn viên cùng chàng !  
Ai dè Hồ-Việt đời phương (2),  
« Cũng vì máy tạo (3) én nhận (4) rẽ nhau,  
« Thấy chàng dạ lại thêm đau,  
« Đất ! Trời ! Sao nỡ phân nhau cho đành ?

1) Biếm quyền : *Glàng quyền chức xuống.*

2) Nước Hồ và nước Việt. Ý nói : *Xu cách mỗi người một ngã.*

3) Máy tạo : *Trời.*

4) Én nhận : *Chim én, chim nhận.*



« Hẹp-hỏi có chút nữ sanh (1),  
 « Trông cho chời quế trở ngành mẫu đơn (2) ».

Nói thời lụy nhỏ đời con :

1740.— « Cũng vì một sự oán hờn nên gây.

« Thời con ở lại bên này.

« Hôm mai thấy mặt cho khuấy lòng già ».

Vân-Tiên từ ấy lán-la,  
 Ôn nhuần kinh sử chờ khoa ứng-kỳ.

## 2.— Vân-Tiên thi đậu, đi giệp giặc

Năm sau lệnh mở khoa thi,  
 Vân-Tiên vào tạ xin đi tựa-trường.

Trở về thừa với thung-đường (3),  
 Kinh-sư ngàn dặm một đường thẳng ra.

Vân-Tiên dự trúng khôi-khoa (4),  
 1750.— Đương trong nhâm-tý thiết là năm nay.

Nhớ lời thầy dạy thật hay :  
 « Bắc phương gặp chuột (5) hẳn rày nên danh »

1) Câu này : Hiếm hỏi được mụn con gái.

2) Câu này nghĩa là : mong cho con gái lấy được chồng sang.

3) Thung-đường : chỉ cha. Còn gọi là xuân-đường.

4) Trúng khôi-khoa : Đỗ đầu kỳ thi hội.

5) Chuột : năm chuột ; năm Tý.

Văn-Tiên vào tạ Triều-dinh.  
 Lệnh ban y mào (1) hiển-vinh về nhà.  
 Xây nghe tin giặc Ô-Qua.  
 Phủ vây quan-ải binh ba bốn ngàn.  
 Sở-vương phán trước ngai vàng.  
 Chỉ sai Quốc-Trạng dẹp loạn cho xong.  
 Trạng-nguyên lâu trước bệ rồng :  
 1760.— « Xin dâng một tướng anh hùng để binh.  
 « Có người họ Hán tên Minh.  
 « Sức đương Hạng-Võ, (2) mạnh kinh Trương-Phi(3)  
 « Ngày xưa mắc án trốn đi,  
 « Phải về nương-náu từ-bi ân minh (4) ».  
 Sở-vương phán trước triều-dinh,  
 Chỉ truyền : — tha tội Hán-Minh đời về,  
 Sắc phong phó tướng bình Di (5).  
 Tiên, Minh tương hội (6) xiết gì mừng vui !  
 Nhất thanh phân-phát oai lòi (7).  
 1770.— Tiên phong, hậu tập, cõ hời tấn binh.

1) Y mào: Áo, mũ — Ngày xưa khi thi đỗ, vua ban cho áo, mũ theo phẩm tước để về vinh qui bái tổ.

2) Sở-bá-Vương có sức khỏe địch muôn người, chống nhau với vua Hán-cao-10.

3) Trương-phi, anh em kết nghĩa với Lưu-Bị và Quan-vân-Trường đời Tam-Quốc bên Tàu, có sức khỏe vô cùng.

4) Có bản chép : « Qui-y ở núi Tây vi an minh ».

5) Bình Di : Dẹp lũ man-di — Có bản chép là bình óe.

6) Tương hội : Cùng họp mặt — Có bản chép là từ óy.

7) Câu này : Một tiếng truyền lệnh oai-nghiêm như sấm

Quan-sơn trực-chỉ dăng-trình (1),  
 Lãnh cờ binh-tặc (2) phá thành Ô-Qua,  
 Làm trai ơn nước nợ nhà,  
 Thảo cha ngay chúa mới là hùng-anh.  
 Phúc đầu binh đao quan thành (3)  
 Ô-Qua xem thấy xuất hành cự đương (4).  
 Tướng Phiên đôi gã đương đương,  
 Một chàng Hỏa-Hồ một chàng Xích-Long.  
 Lại thêm Cốt-Đột nguyên-nhung (5),  
 1780. — Mắt hùm râu hổ tướng hung lạ-lùng.  
 Hán-Minh ra sức tiên phong,  
 Đánh cùng Hỏa-Hồ Xích-Long một hồi.  
 Hán-Minh chùy giáng đương lời (6),  
 Hai chàng đều bị một hồi mạng vong.  
 Nguyên-Nhung Cốt-dột nổi xung,  
 Hai tay xách búa đánh cùng Hán-Minh.

- 
- 1) Trực-chỉ dăng trình : Lên đường tiên thắng lối.  
 2) Binh tặc : Đẹp giặc.  
 3) Binh đao quan thành : Binh kéo tới cửa thành ở  
 Ô-quan, (nơi giáp giới của hai nước).  
 4) Xuất hành cự đương : Tiến ra đương đầu chống cự.  
 5) Nguyên-nhung : Nguyên-súy, người cầm đầu các  
 tướng sĩ cũng như Tổng-tư-lệnh.  
 6) Giáng đương lời : Giáng xuống mạnh như sấm như  
 sét.

Hán-Minh thần lực nan kinh ;  
 Thấy chàng hóa phép, chùn mình trở lui (1).  
 Văn-Tiên đầu đội kim-khôi,  
 1790.— Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô (2).  
 Một mình nhắm trận lướt vô.  
 Thấy người Cốt-Đột biến đồ yêu ma,  
 Vội-vàng quay ngựa trở ra,  
 Truyền quân trăm cầu (3) máu thoa ngọn cờ.  
 Ba quân giương giáo đều giờ,  
 Yêu ma xem thấy một giờ đều tan !  
 Phép tà Cốt-Đột hết phương,  
 Bùng-bùng nổi giận đánh chàng Văn-Tiên,  
 Trung quân tả hữu lưỡng biên,  
 1800.— Trạng-Nguyên, Cốt-Đột đánh liên tởi ngày,  
 Sa cơ Cốt-Đột chạy ngay,  
 Trạng-nguyên dục ngựa kip rày đuổi theo.  
 Đuổi sang khỏi đặng bầy đèo.  
 Nguyên-Nhung Cốt-Đột vận nghèo nài bao.  
 Chạy ngang qua núi Ô-Sào,  
 Phút đầu sa ngựa xuống hào, thương ôi !  
 Trạng-Nguyên chém Cốt-Đột rồi,  
 Đầu treo cổ ngựa phản nời bán quán.

1) Hai câu này nghĩa là : Hán-Minh là tay có sức mạnh như thần, khó ai địch nổi nhưng thấy Cốt-Đột, hóa phép cũng đành phải chùn.

2) Ngựa ô : Ngựa lông sắc đen.

3) Trăm cầu : Giết chó.

Ôi thôi, bốn phía đều rừng !

1310.— Trời đã tối mịt, lạc chừng gần xa.

Một mình lạc nẻo vào ra,

Lăn theo đường núi phút đã tam canh (1).

Một mình trong chốn non xanh ;

Biết ai mà hỏi lộ-trình trở ra ?

### 3. — Vân-Tiên và Nguyệt-Nga: gặp nhau.

Đoạn này tới thứ Nguyệt-Nga,

ở đây tính đã hơn ba năm rồi.

Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi :

« Chẳng hay trong đạ bồi-hồi việc chi ?

— « Quan-Âm thừa trước nói gì ?

1320.— « Éo-le phình thiếp, lòng ghi nhớ hoai.

« Thôi đành đá nát vàng phai,

« Cũng nguyên xuống chốn đá đài tìm nhau.

« Khôn trông mong bảy đêm thâu (2),

« Khôn trông bảy quạ đội cầu (3) đưa sao.

1) Tam canh : Canh ba — Có bản chép là tàn canh.

2) Mong 7 tháng 7, ngày thất tịch, tức là ngày vợ chồng Ngâu gặp nhau.

3) Cầu O-thước tức là cái cầu do đàn quạ đen đội bắc qua Ngân-giang, để cho vợ chồng Ngâu sang gặp nhau trong ngày thất tịch.

« Phải chi hỏi đặng Nam-Tào (1),  
 « Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau? »  
 ✕ Nguyệt-Nga gương giải cơn sầu,  
 Xảy nghe nhạc ngựa ở đầu tới nhà.  
 Kêu rằng : — « Ai ở trong nhà,  
 1830. — « Đương về quan-ái chỉ ra cho cùng, »  
 Nguyệt-Nga ngồi sợ hãi-hùng !  
 Văn-Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.  
 Lão bà ứng hỏi : — « Người nào  
 « Đêm khuya, lạ mặt, dám vào nhà ta ?  
 « Ở đây vốn những đàn-bà,  
 « Sao là nam-tử phép mà chẳng kiêng-».  
 Văn-Tiên mới nói sự tình :  
 — « Tôi là Quốc-trạng tráo-dinh sai ra  
 « Đem binh dẹp giặc Ô-quá,  
 1840. — « Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây. »  
 Lão bà nghe nói sợ thay :  
 — « Xin ông chớ chấp tôi nay mu già ! »  
 Văn-Tiên ngồi ngắm Nguyệt-Nga ;  
 Đoái nhìn bức tượng, lòng đã sinh nghi,  
 Hỏi rằng : — « Bức ấy tượng chi ?  
 « Khen ai khéo vẽ dung-nghi (2) giống mình.  
 « Đầu đuôi chưa rõ sự tình !  
 « Xin bà khá nói tình danh cho tường ».

1) Nam-Tào : Mấy vị sao ở về phương Nam đối diện với sao Bắc-dầu, trông nom rõ sách định đoạt công việc dưới trần gian.

2) Dung nghi : Dạng dấp.

Lão bà chẳng dám nói gian :

1850. — « Tượng này vốn thiết chông nàng ngồi đây »

Tiên rằng : — « Nàng xich lại đây,

« Nói trong tên họ tượng này, ta nghe. »

Nguyệt-Nga lòng rất kiêng-dè,

Mặt thời giống mặt, người e lạ người.

Ngồi che tay áo, hồ-người.

Vân-Tiên thấy dây mỉm cười một khi

Rằng : — « Sao nàng chẳng nói đi ?

« Hay lời ta hỏi động chi chẳng là ? »

Nguyệt-Nga khép-nép thưa qua :

1860. — « Người trong bức tượng tên là Vân-Tiên.

« Chàng đã về chốn cứu-tuyền (1) ;

« Thiếp làm trọn đạo lánh miền gió trắng (2). »

Vân-Tiên nghe nói hỏi phăng :

— « Chông là tên ấy, vợ rằng tên chi ? »

Nàng bèn tỏ thiết một khi.

Vân-Tiên vội-vã xuống quý chấp tay,

Thưa rằng : — « Nay gặp nhau đây,

« Xin đền ba lạy, sẽ bày nguồn cơn.

« Nặng lời thệ hải minh sơn (3),

1870. — « Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.

« Vân-Tiên vốn thiết tên tôi,

« Gặp nhau thời đã phỉ rồi ước mơ. »

1) Cứu-tuyền : Chín suối — chỉ : thế-giới người chết.

2) Lánh miền gió trắng : Lánh cái cuộc sống thường trong trần tục. (Trắng gió, dùng chỉ linh ái).

3) Thệ hải minh sơn : Chỉ biển mà thề, chỉ núi mà hẹn.

Nguyệt-Nga băng-lãng bơ-ơ,  
 Nửa tin rằng : « Bạn », nửa ngờ rằng : « Ai » !

Thưa rằng : — « Đã thiệt rằng ngài,  
 « Khúc nhôi xin cứ đầu bà. phân qua. »

Văn-Tiên dẫn tích xưa ra.

Nguyệt-Nga khi ấy khóc òa như mưa.

Ân tình càng kể càng tra,

1880. — Mãng còn bịn-rịn trời vừa sáng ngay.

Xây nghe quân ó vang dầy ;

Từ bề rừng bụi khắp bầy can qua (1).

Văn-Tiên lên ngựa trở ra,

Thấy cờ đề chữ hiệu là : Hán-Minh.

Hán-Minh khi ấy dừng binh,

Anh em mừng rỡ tổ tình cùng nhau.

Minh rằng : — « Tàu tàu ở đâu ?

« Đặng em ra mặt chị dâu thế nào ».

Văn-Tiên đem Hán-Minh vào,

1890. — Nguyệt-Nga dừng dây miệng chào có duyên.

Minh rằng : — « Tướng chi ở Phiên,

« Quyết đem binh mã sang miền Ô-quá ».

« May dầu xum-hợp một nhà.

« Giặc dà an giặc, âu-ca hồi trào (3) ».

Tiên rằng : — « Nàng tình thế nào ? »

Nàng rằng : — « Phu-tướng hồi trào tâu lên,

1) Can qua : Ý nói : chiến tranh.

2) Tàu-tàu : Chị dâu.

3) Âu-ca hồi trào : Ca hát vui về trở về triều.



« Ngổ nhờ lượng cả bề trên,  
 « Lệnh tha tội trước mới nên về nhà ».  
 Trang-nguyên từ già lão-bà,  
 1900. — Dặn-dò gửi lại Nguyệt-Nga ít ngày ;  
 — « Tôi về dâng bức tượng này,  
 « Tấu xin miễn tội rước ngay về nhà. »



#### 4. — Văn-Tiên thắng trận về triều

Tiên, Minh lên ngựa trở ra,  
 Đem binh trở lại trào-ca đề-huê.  
 Sở-vương nghe Trang-nguyên về,  
 Sai quân tiếp rước vào kể bên ngai.  
 Sở-vương bước xuống kim giai (1),  
 Tay bưng chén rượu, thưởng tại Trang-nguyên.  
 Phán rằng : — « Trẫm sợ nước Phiên,  
 1910. — « Có người Cốt-Đột phép tiên lạ-lùng.  
 « Nay trừ Cốt-Đột đã xong,  
 « Thất trời sinh Trang giúp trông nước nhà.  
 « Phải chi sớm có Trang ra,  
 « Làm sao đến nỗi Nguyệt-Nga cống Hồ. »  
 Lệnh truyền : khai yến trào-dò,  
 Rày mừng trừ đảng giặc Ó-quả rồi.  
 Trang-nguyên qui tấu một hồi :  
 Nguyệt-Nga các việc khúc nhời rõ-ràng.

1) Kim giai : Thêm bức trước điện nhà vua.

Sở-vương nghe tấu ngữ-ngang :

1920. — « Bấy lâu trăm trường rặng nắng ở Phiên,

« Chẳng ngờ nắng với Trạng-nguyên,

Cùng nhau trước có nhân-duyên thừa đầu. »

Thái-sư trước bệ qui tâu :

— « Ô-qua dấy động qua máu (1) cũng vi,

« Trá-hôn (2) oan ấy nên gây,

« Nguyệt-Nga vốn thiết tội thì khi quân. (3) »

Trạng-nguyên mặt đỏ bừng-bừng,

Bèn đem bức tượng qui dâng làm bằng.

Sở-vương xem tượng phán rằng :

1930. — Nguyệt-Nga trình tiết vi bằng người xưa.

« Thái-sư trước chẳng lo giữa,

« Thiếu gì dân thứ mà đưa tới nắng.

« Dầu cho nhật-nguyệt rõ-ràng,

« Khôn soi chiếu úp (4), cũng mang tiếng đời,

« Ngay gian chứng có đất trời,

« Việc này vi trăm nghe lời nên oan ». »

Trạng-nguyên tâu trước trào-dâng :

— « Thái-sư trừ dưỡng (5) tôi gian trong nhà.

« Trịnh-Hâm là đưa gian-tà,

1940. — « Hại tôi bữa trước cũng đã có phen ». »

1) Dấy động qua máu : : gây chính chiến.

2) Trá-hôn : Lừa dối trong việc cưới xin.

3) Tội khi quân : Tôi lừa dối vua.

4) Ý nói : Người ta dù sáng-suốt đến đâu cũng khó biết hết các công việc xảo trá che đậy của kẻ tiểu-nhân.

5) Trừ dưỡng : Nuôi chứa trong nhà.

Sở-vương phán trước bệ tiền :

- « Những ngờ tướng giỏi tôi hiền mà thôi,  
 « Cùng là đạo chúa nghĩa tôi,  
 « Thái-sư ý muốn cướp ngôi cứu-trùng,  
 « Hán xưa có gã Đồng-công (1),  
 « Nuôi thẳng Lã-Bổ cướp dòng nhà Lưu (2),  
 « Đời xưa tôi nịnh biết bao,  
 « Thái-sư nay có khác nào người xưa,  
 « Thấy người trung chính chẳng ưa.  
 1950.— « Rắp ranh kể dộc, lập lừa mưu xa,  
 « Đến nay mới rõ chính tà,  
 « Cũng vì thưở trước tại ta lỗi dưng,  
 « Thời thời ! Trăm cũng rộng dung,  
 « Thái-sư cách chức về cùng dân gian,  
 « Trịnh-Hâm là đứa bạo tàn,  
 « Giao cho quốc-trạng liệu toan pháp hình (3).  
 « Nguyệt-Nga là gái trung-trình ;  
 « Sắc phong « Quận-chúa » hiền-vinh trao-dâng.  
 « Kiều-Công xưa mắc tội oan ;  
 1960.— « Nay cho phục chức (4) làm quan Đông-  
 [thành,  
 « Trạng-nguyên đẹp giặc dã binh ;  
 « Kiệu vàng tán bạc, hiền-vinh về nhà. »

1) Đồng-công : Đông-Trác, đại gian thần nhà Hán đời Tam quốc bên Tàu, mưu chiếm ngôi nhà Hán.

2) Nhà Lưu : Đông họ lập nên nhà Hán bên Tàu.

3) Pháp hình : Phép nước để trừng phạt kẻ có tội.

4) Phục chức : Được trả lại chức vụ cũ.

Bãi chầu chư tướng đều ra ;  
 Trạng-nguyên thỉnh hết đình hoa sang ngồi,  
 Họ Vương, họ Hán, họ Bùi.  
 Cùng nhau ăn uống đều vui đều cười.  
 Trạng-nguyên mời hỏi một lời :  
 — « Trinh-Hâm, tội ấy, các người tính sao ? »  
 Truyền quân dẫn Trinh-Hâm vào,  
 1970. — Mặt nhìn khắp hết, miệng chào « Các anh ! »  
 Minh rằng : — « Ai mượn kêu anh ? »  
 « Trước đã đem thời chẳng lành thời thời ! »  
 « Kéo ra chém quách cho rồi ! »  
 « Đề chi gai mắt, đừng ngồi cãm gan ? »  
 Trục rằng : — « Minh nóng nói ngang,  
 « Giết ruồi ai dụng gương vàng làm chi ? »  
 « Xưa nay những đũa vô nghi (1),  
 « Dẫn cho có sống làm gì nên thân ? »  
 Hâm rằng : — « Nhớ lượng cổ nhân (2),  
 1980. — « Vốn tôi mới đại một lần xin dung ! »  
 Trạng rằng : — « Hề đừng anh-hùng,  
 « Nào ai có giết đũa cũng làm chi ? »  
 « Thôi ! Thôi ! Ta cũng rộng suy ;  
 « Truyền quân mở trời, đuổi đi cho rồi ! »  
 Trinh-Hâm khởi thác rất vui,  
 Vội-vàng cúi lạy, chân lui ra về.

1) Vô nghi : Không có nghĩa — Bất nhân, bất nghĩa.

2) Cổ nhân : Người cũ, Người đã quen biết từ trước.

Còn người Bùi-Kiểm máu dè,  
 Ngồi chai bộ mặt (1) như về thịt trâu !  
 Hán-Minh Tử-Trực vào tàu,  
 1990.— Xin đưa Quốc-Trạng kịp châu vinh-quí,  
 Còn người Bùi-Kiểm chẳng đi,  
 Trong lòng hồ-thẹn cũng vì máu dè.  
 Trạng-Nguyên xa giá chính-tề,  
 Sai quân hộ-vệ rước về Nguyệt-Nga.  
 Bạc vàng đem tạ lão bà,  
 Đón nâng lên kiệu thẳng qua Đông-thà.h.  
 Vòng điều, gươm bạc, lọng xanh !  
 Trạng-Nguyên, Tử-Trực, Hán-Minh lên đường.

♦♦

Trịnh-Hàm về tới Han-giang,  
 2000.— Sóng thần nổi dậy, thuyền chàng chìm ngay  
 Trịnh-Hàm bị cá nuốt thây ;  
 Rày trời quả báo lẽ này rất ưng (2).  
 Thấy vậy, nên đứng-dừng-dừng !  
 Làm người ai nấy xin đừng bắt-nhân.

### 5.— Văn-Tiên gặp tiểu-đồng

Tiểu-Đồng trước giữ mộ phần,  
 Ngay qua, tháng lại, đã gần ba năm.

1) Chai bộ mặt: Trơ mặt dầy.

2) Rất ưng: Xứng đáng. Hợp với lẽ phải.

Cửa đi quỳn-giáo mấy năm ;  
 Tinh đen hải cốt (1) về thăm quê nhà.  
 Hiềm chưa thuê dạng người ta !  
 2010.— Còn dương thơ-thần vào ra Đại-Đề.  
 Trang-Nguyên khi ấy đi về,  
 Truyền quán bày tiệc, lo bề lễ riêng :  
 — « Tiểu-Đồng ! Hồn bậu (2) có thiêng,  
 « Thỏa tình thầy tớ lòng thiêng ngày nay ».  
 Đọc văn nhớ tới chau mây ;  
 Đói hàng lụy ngọc tuôn ngay róng-róng.  
 Người ngay trời cũng động lòng !  
 Phút đầu đã thấy tiểu-dồng đến coi,  
 Trang-Nguyên còn hầy sụt-sùi,  
 2020.— Ngó lên bãi vị (3) lại xui lòng phiền !  
 Tiểu-dồng ngắm ngựa nhìn nghiêng :  
 — « Ông nào sao giống Văn-Tiên cũng kỳ !  
 « Ông nào thác xuống âm-ty ?  
 « Ông nào còn sống nay thì làm quan ? »  
 Trang-Nguyên khi ấy hỏi chàng :  
 — « Phải người đồng-tử mắc nạn chốn nay ? »  
 Mấy năm tớ mới gặp thầy ?  
 Cùng nhau kể nỗi đắng-cay muôn vàn,  
 Ai dè còn sống bần-quan,  
 2030.— Công-lao gìn-giữ mồ hoang đã rồi,

1) Hải cốt : Xương người chết.

2) Bậu : Tiếng gọi người trẻ tuổi ; như : chủ hay cậu.

3) Bãi-vị : Bãi biển tên tuổi người chết để thờ.

Trang-Nguyên khi ấy mừng vui,  
Tờ thầy xum họp tại nơi Đại-Đề!

### 6. — Mẹ con Võ-thê-Loan ra đón Văn-Tiên

Đoạn thời xa giá ra về,  
Tuần du (1) phút đã gần kề Hàn-giang.  
Võ-công từ xuống suối-vàng,  
Thê-Loan cùng mẹ Quỳnh-Trang đeo sấu.  
Mẹ con những mắng lo âu :  
« Nghe Văn-Tiên sống, gặp châu công danh.  
« Cũng ta xưa có ân tình,  
2040. — « Phải ra đón rước lộ trình họa may (2) ».  
Loan rằng : — « Minh ở chẳng hay !  
« E người còn nhớ những ngày trong hang ».  
Trang rằng : — « Con có hồng nhan (3),  
« Cho chàng thầy mặt thời chàng ắt ưa !  
« Dầu chàng có nhớ tích xưa,  
« Mẹ con ta lại đồ thừa Võ-công » !  
Cùng nhau bàn luận đã xong,  
Soi gương đánh sáp để phòng rước duyên.

1) Tuần du : Vừa đi vừa quan sát xem phong cảnh dọc đường.

2) Câu này : Đón rước ở đường đi may ra thành sự

3) Có hồng nhan : có sắc đẹp.

Nay đã tới thư Trạng-Nguyên,  
 2050. — Hàn-Giang vừa tới lệnh truyền đóng quân.  
 Bạc vàng châu báu áo quần,  
 Trạng-Nguyên đem tạ đáp âu Ngự, Tiều. (1)  
 Ngự, Tiều nay dựng danh biểu (2) !  
 Ôn ra một thuở, của nhiều trăm xe. ✕  
 Trạng-Nguyên chưa kịp trở về,  
 Thấy Quỳnh-Trang đã đứng kề trong quân.  
 Trang rằng : — « Tướng chữ hôn-nhân (3) ».  
 « Mẹ con tôi đến lễ mừng Trạng-Nguyên.  
 « Võ-Công đã xuống hoàng-tuyền (4),  
 2050. — « Xin thương lấy chút thuyền-quyên (5) phận  
 [ này ».

Trang rằng : — « Bung bát nước đầy,  
 « Đồ ngay xuống đất hốt rày sao xong  
 « Oan-gia, nợ ấy đã xong,  
 « Thiếu chi nên nổi mà mong lời đòi (6) ».  
 Hàn-Minh, Tử-Trực đứng coi,  
 Cười rằng : — « Hoa khéo làm mối trên ông.

1) Ngự, Tiều : Ngự-ông và Tiều-phu, lúc là lão danh  
 cá và lão kiếm củi.

2) Danh biểu : Danh tiếng nổi đựợc đời ca tụng.

3) Hôn-nhân : Tình thông gia.

4) Hoàng-tuyền : Suối vàng chỉ nơi âm-phủ quê hương  
 những linh hồn người chết.

5) Thuyền-quyên : Phận con gái đàn bà.

6) Cái nợ oan trái của hai nhà đã trả xong rồi, còn  
 thiếu gì mà hòng tới đây đòi hỏi nữa.



« Kher cho lòng chàng thẹn lòng !  
 « Còn mang mặt đến đèo-bóng nổi chi !  
 « Ca-ca sao chàng chịu đi (1),  
 2070.— « Về cho lâu-lâu (2) để khi xách giầy ? »  
 Mẹ con đứng thẹn-thường thay !  
 Vội-vàng cúi lạy chân quày bước ra,  
 Trở về chưa kịp tới nhà,  
 Thấy hai ông cọt nhầy ra đón dàng,  
 Thấy đều bắt mẹ con nàng,  
 Dem về lại bỏ trong hang Thương-Tùng.  
 Bốn bề lấp đá bịt-bùng !  
 Mẹ con than khóc khôn trông ra rồi !  
 Trời kia quả-báo mấy hồi.  
 2080.— Tiếc công son diêm phấn dôi bấy lâu,  
 Làm người cho biết nghĩa sáu,  
 Gặp cơn hoạn-nạn cùng nhau cho tròn,  
 Đứng đứng theo thói mẹ con,  
 Thác đá mất kiếp, xấu còn bía danh.

### 7.— Ăn tình toàn vẹn.

Trạng-Nguyên về đến Đông-Thành,  
 Lục-ông trước đã xây dinh ở làng.  
 Bày ra sáu lễ (3) sẵn-sàng,  
 Các quan đông đủ cười nàng Nguyệt-Nga.

1) Ca-ca : Anh.

2) Tâu-tâu : Chị dâu.

3) Sáu lễ : Hai lễ trời đất, hai lễ thần thánh, hai lễ  
 bố mẹ để tạ ơn đã tác tạo nên mình.

Sui-gia đã xưng sui-gia,  
 2090.— Ray mừng hai họ một nhà thành thân,  
 Trăm năm biết mấy tinh-thần,  
 Sinh ra sau nổi gót lân (1) đời đời,  
 Trúc mai xum họp thêm vui,  
 Càng sâu bề ái càng dài nguồn ân,  
 Vinh hoa bõ lúc phong trần,  
 Chữ tình hãy gác chữ ân phải đền.  
 Hán-Minh, Tử-Trực, Văn-Tiên,  
 Ngựa xe vãng giá băng miền quán xưa,  
 Tỏi nơi ngựa vắng rừng thưa (2)

2100.— Cảnh còn rêu dấu người xưa mất rồi !  
 Cùng nhau bàn-bạc một hồi :  
 Đích rằng ông quán là người cõi tiên,  
 Cho nên chuộng sĩ yêu hiền,  
 Trước sau bảo họ Văn-Tiên mấy lời,  
 Công thầy ơn nặng bề giới,  
 Cùng nhau tìm đến nay thời tạ ơn.

### 8.— Văn-Tiên lên ngôi Vua

Trước sau mọi nỗi chu toàn,  
 Bồng đầu có chiếu nhà vàng (3) ra ân.

- 
- 1) Gót lân : Ý nói : Đời đời nổi giời hưởng vinh hoa.  
 2) Ngựa vắng rừng thưa : Tả cái cảnh vắng-vẻ hẻo-lánh không có ai qua lại.  
 3) Nhà vàng : Nhà vua.

Sở-vương nhờ cảnh am vân (1).

2110. — Không con, muốn chọn hiền thần nối ngôi.

Trạng-Nguyên lương đồng tài giới,

Lệnh truyền triệu đến trước nơi bệ rồng.

Truyền ngôi biểu dụ thông-dong:

Việc nhà việc nước trăm mong cây hiền.

« Nối theo Nghiêu, Thuấn (2) bia truyền,

« Muốn năm trăm được tiếng khen chọn người».

Vân-Tiên vâng lệnh nối ngôi,

Móc mưa (3) nhuần tưới trong ngoài trăm quan.

Lệnh truyền xá thuế ba năm,

2120. — Võ-về trăm họ ra ân muốn nhà,

Thái-hoàng phong chức cho cha,

Mẹ thời Thái-hậu móc sa cứu tuyền (4).

Nguyệt-Nga trình tiết muốn phân,

Sắc phong Chính-hậu trưởng quyền tam-cung.

Nhạc-gia ân nghĩa Kiều-công,

Sắc phong Trụ-quốc (5) tạ lòng ngày xưa.

1) Am vân: Cũng như am mây chỉ nơi chùa-chiền vắng-vẻ linh-mịch mà các bác tu-sĩ ở.

2) Nghiêu, Thuấn: Ông Nghiêu chọn ông Thuấn là người hiền truyền ngôi cho.

3) Mỗi lần có ân huệ của vua nhuần tưới trong dân gian người ta gọi là: mưa móc của triều-dình.

4) Móc sa cứu tuyền: Ân huệ như vua xuống tận chín suối. (Mẹ Vân-Tiên chết rồi được truy phong Hoàng Thái-hậu).

5) Trụ-quốc: Chức quan to trong triều (cột trụ đất nước)

Hán-Minh trí dũng mưu cơ,  
 Sắc phong Đô-đốc sớm trưa việc ngoài,  
 Họ Vương chi khi anh tài,  
 2130. — Sắc phong hộ giá thưởng tài công lao,  
 Tiểu-đồng trung nghĩa làm sao,  
 Sắc phong ngự-mã (1) ra vào châu bên,  
 Trong ngoài thặng thưởng vừa yên,  
 Đẳng trình (2) lại phó Khâm-thiên (3) định ngày,  
 Vua cùng văn vũ hội bầy,  
 Tiên đưa tiên-đế am mây tu hành,  
 Nhà yên, nước trị, dân bình,  
 Muôn năm ghi đề thơm danh lâu dài,  
 Mới hay muôn sự ở đời:  
 2140. — Hại người giới hại, cứu người giới thương,  
 Làm người hễ có luân-thường,  
 Nắng mưa chẳng sợ tai ương chút nào,  
 Làm người phải biết mấy nao,  
 Cây quyền cây thế được sao với giới,  
 Thanh bản (4) giữ phân an vui,

---

1) Ngự-mã : Chức coi con ngựa của vua.

2) Đẳng trình : Lên đường.

3) Khâm-thiên : nơi các quan chức trông nom công việc nhà vua. Vua ngự ở đó.

4) Thanh bản : Nghèo nhưng giữ lòng mình ngay thẳng, trong sạch.

TRUYỆN THƠ

ĐÃ XUẤT BẢN

**PHẠM-CÔNG CÚC-HOÀ**

Thiên-thah-sử đắm nước mắt. Một mối tình chung thủy li kỳ mà âm dương không thể ngăn cách nổi đời người.

Một truyện dài rất lạ-lùng phơi bày những cảnh quái đản của dương thế và cõi âm phủ hỏa ngục

*Trọn bộ*      Giá : 18\$

**LỤC - VÂN - TIÊN**

Truyện đời trai tài gái sắc chàng quân tử sinh đề vẹn lời vàng đá.

Những hành động phi thường của Lục-vân-Tiên đã phải chịu đựng nhiều sự gian lao cay đắng và trăm ngàn mưu mô tàn ác của loài người

*In rất đẹp*      Giá : 10\$

**PHẬT - BÀ QUAN - ÂM**

Sự tích li kỳ kinh dị của đức Phật Bà Quan Âm

— Tắm gương hy sinh muốn thưở không mờ

— Mỗi bím oan thống thiết kỳ lạ nhất trần gian

*In rất đẹp*      Giá : 8\$

SẼ RA

Nhiều truyện hay tích lạ đã được lưu

Nhà sách **Nguyễn-bá-Châu**

— — — — —  
— — — — —  
— — — — —

92B, Lê-Lợi - SAIGON -

K.D. 127/XB

19.1.60

Nhà Sách KHAI TRI  
62, Đại-lộ-Lợi, SAIGON